

CHƯƠNG 9

ĐẦU TƯ

(Bản dịch không chính thức của Vụ Pháp chế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CHƯƠNG 9

ĐẦU TƯ

Mục A

Điều 9.1: Các định nghĩa

Trong Chương này:

Trung tâm là Trung tâm Quốc tế về Giải quyết các Tranh chấp Đầu tư (ICSID) được thành lập theo Công ước ICSID;

nguyên đơn là nhà đầu tư của một Bên và là một bên có tranh chấp đầu tư với Bên khác. Trường hợp nhà đầu tư là thể nhân thường trú tại một Bên và có quốc tịch của Bên khác, thể nhân đó không được trình khiếu kiện ra trọng tài đối với Bên mà thể nhân mang quốc tịch.

đầu tư theo Hiệp định này, đối với một Bên, là đầu tư của nhà đầu tư của Bên khác tồn tại trên lãnh thổ của mình kể từ ngày có hiệu lực của Hiệp định với các Bên này hoặc được thành lập, mua lại, hay mở rộng sau đó;

các bên tranh chấp là nguyên đơn và bị đơn;

bên tranh chấp là nguyên đơn hoặc bị đơn;

doanh nghiệp là doanh nghiệp được định nghĩa tại Điều 1.3 (các Định nghĩa chung), và chi nhánh của doanh nghiệp;

doanh nghiệp của một Bên là doanh nghiệp được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật của một Bên, hoặc chi nhánh trên lãnh thổ một Bên và thực hiện hoạt động kinh doanh tại đó;¹

đồng tiền tự do sử dụng là “đồng tiền tự do sử dụng” do Quỹ Tiền tệ Quốc tế xác định theo Thỏa thuận thành lập quỹ này;

Quy tắc Trọng tài ICC là quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại Quốc tế;

Quy tắc Phụ trợ ICSID là Quy tắc Điều chỉnh Cơ chế Phụ trợ về Tổ chức Tố tụng của Ban thư ký Trung tâm Quốc tế về Giải quyết các Tranh chấp đầu tư;

¹ Để rõ nghĩa hơn, quy định về “chi nhánh” trong định nghĩa “doanh nghiệp” và “doanh nghiệp của một Bên” không ảnh hưởng đến thẩm quyền của một Bên quy định trong pháp luật của mình về việc chi nhánh không có tư cách pháp lý và không được tổ chức độc lập.

Công ước ICSID là Công ước về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa Nhà nước và công dân của Nước khác, làm tại Washington ngày 18/3/1965;

Công ước liên Châu Mỹ là Công ước liên Châu Mỹ về Trọng tài Thương mại Quốc tế, làm tại Panama ngày 30/01/1975;

đầu tư là mọi tài sản do nhà đầu tư sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, có đặc điểm đầu tư, bao gồm các đặc điểm như cam kết về vốn đầu tư hoặc các nguồn lực khác, kỳ vọng về lợi nhuận, hoặc gánh chịu rủi ro. Các hình thức đầu tư có thể bao gồm:

- (a) doanh nghiệp;
- (b) cổ phiếu, cổ phần và các hình thức góp vốn vào doanh nghiệp;
- (c) trái phiếu, trái khoán, các công cụ nợ khác, và các khoản cho vay;^{2, 3}
- (d) hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn và các sản phẩm tài chính phái sinh khác;
- (e) hợp đồng chia khoá trao tay, xây dựng, quản lý, sản xuất, nhượng quyền, phân chia doanh thu và các hợp đồng tương tự khác;
- (f) quyền sở hữu trí tuệ;
- (g) giấy phép, chấp thuận, cho phép, và các quyền tương tự hình thành trên cơ sở quy định pháp luật một Bên;⁴ và
- (h) các tài sản hữu hình hoặc vô hình, động sản hoặc bất động sản, và quyền tài sản liên quan, như cho thuê, cầm cố, cầm giữ và thế chấp;

nhưng đầu tư không có nghĩa là lệnh hoặc phán quyết theo thủ tục hành chính hoặc tư pháp.

hợp đồng đầu tư là thoả thuận bằng văn bản⁵ được ký kết và có hiệu lực sau ngày Hiệp định⁶ này có hiệu lực giữa cơ quan quản lý cấp trung ương⁷ của một

² Một số hình thức nợ như trái phiếu, trái khoán, và phiếu khoán dài hạn thường có đặc điểm đầu tư, trong khi một số hình thức nợ khác như yêu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn phát sinh từ việc bán hàng hóa hay dịch vụ ít khả năng có đặc điểm đầu tư.

³ Các khoản cho vay của một Bên với Bên khác không phải là đầu tư.

⁴ Giấy phép, chấp thuận, cho phép, hoặc hình thức tương tự (bao gồm nhượng quyền trong phạm vi mang tính chất của hình thức này) có đặc điểm đầu tư hay không phụ thuộc vào các yếu tố như tính chất và mức độ của quyền mà chủ quyền có theo quy định pháp luật của một Bên. Trong số các hình thức không có đặc điểm đầu tư là những hình thức không tạo ra bất kỳ quyền nào được bảo hộ theo quy định pháp luật của một Bên. Để rõ nghĩa hơn, quy định trên không ảnh hưởng đến việc xem xét đặc điểm đầu tư của tài sản gắn liền với hình thức này.

Bên và đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư của Bên khác mà tạo ra quyền và nghĩa vụ bắt buộc giữa hai bên theo luật áp dụng quy định tại Điều 9.25.2 (Luật áp dụng), trên cơ sở đó đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư thành lập hay mua lại đầu tư mà không phải văn bản thoả thuận đầu tư, và thoả thuận đó trao quyền cho đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư:

- (a) đối với tài nguyên thiên nhiên do cơ quan quản lý quốc gia kiểm soát, như dầu mỏ, khí tự nhiên, khoáng sản đất hiếm, gỗ, vàng, quặng sắt, và các tài nguyên khác,⁸ bao gồm cả quyền khai thác, chiết xuất, tinh lọc, vận chuyển, phân phối, hoặc chuyển nhượng;
- (b) để thay mặt cho Bên đó cung cấp dịch vụ cho công chúng sử dụng: đối với sản xuất hoặc phân phối điện, xử lý hoặc phân phối nước, viễn thông, hoặc các dịch vụ tương tự được cung cấp thay mặt cho Bên đó cho công chúng sử dụng;⁹ hoặc
- (c) để thực hiện dự án hạ tầng như xây dựng đường, cầu, kênh, đê, đường ống hoặc các dự án tương tự; với điều kiện công trình hạ tầng đó không nhằm mục tiêu sử dụng độc quyền, chủ yếu cho chính phủ hoặc vì lợi ích của chính phủ;

chấp thuận đầu tư¹⁰ là chấp thuận của cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài của một Bên¹¹ cấp cho đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư của Bên khác;

⁵ “Thoả thuận bằng văn bản” việu dẫn những thoả thuận dưới hình thức văn bản do 2 bên đàm phán và thực thi bằng một hoặc nhiều phương thức. Để rõ nghĩa hơn:

- (a) hành động đơn phương của cơ quan hành chính hoặc tư pháp như cho phép, cấp phép, chấp thuận, chứng nhận, phê duyệt hoặc các hình thức tương tự do một Bên thực hiện trong phạm vi thẩm quyền, các trợ cấp hay hỗ trợ, hoặc quyết định, lệnh hay phán quyết riêng biệt; và
- (b) quyết định hoặc lệnh chấp thuận theo thủ tục hành chính hay tư pháp,

không được coi là thoả thuận bằng văn bản.

⁶ Để rõ nghĩa hơn, thoả thuận bằng văn bản được ký kết và có hiệu lực sau ngày Hiệp định này có hiệu lực không bao gồm việc làm mới hoặc gia hạn thoả thuận phù hợp với các quy định của thoả thuận ban đầu, và về cùng hoặc cơ bản cùng điều khoản, điều kiện với thoả thuận ban đầu đã được ký kết và có hiệu lực trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

⁷ Trong định nghĩa này, “cơ quan quản lý cấp trung ương” đối với nhà nước đơn nhất là cơ quan quản lý cấp Bộ. Cơ quan quản lý cấp bộ là Bộ, Cơ quan ngang Bộ và cơ quan tương tự khác thuộc chính quyền trung ương, nhưng không bao gồm: (a) cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ được thành lập theo Hiến pháp hoặc đạo luật của một Bên, có tư cách pháp lý độc lập với Bộ, Cơ quan ngang Bộ hoặc cơ quan tương tự khác theo quy định pháp luật của một Bên, trừ trường hợp hoạt động hằng ngày của cơ quan, tổ chức đó do Bộ, Cơ quan ngang Bộ hoặc cơ quan tương tự khác điều hành hoặc kiểm soát; hoặc (b) cơ quan, tổ chức của chính phủ thực hiện các nhiệm vụ riêng biệt đối với một vùng hoặc một tỉnh.

⁸ Để rõ nghĩa hơn, quy định này không bao gồm hợp đồng đầu tư đối với đất đai, nước, hoặc sóng vô tuyến.

⁹ Để rõ nghĩa hơn, quy định này không bao gồm dịch vụ giáo dục, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trông trẻ, phúc lợi xã hội hay các dịch vụ tương tự khác.

¹⁰ Để rõ nghĩa hơn, phạm vi của định nghĩa này không bao gồm: (i) hoạt động của một Bên để thực thi các quy định của pháp luật, như quy định về cạnh tranh, môi trường, sức khỏe, hoặc quy định quản lý khác; (ii) cơ chế cấp phép trên cơ sở không phân biệt đối xử; và (iii) quyết định của một Bên dành cho đầu tư theo Hiệp định này

nhà đầu tư của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định, đối với một Bên, là nhà đầu tư chuẩn bị thực hiện¹², đang thực hiện hoặc đã thực hiện đầu tư tại lãnh thổ của Bên đó, nhưng không phải là nhà đầu tư của Bên nào;

nhà đầu tư của một Bên là một Bên, hoặc công dân, doanh nghiệp của Bên đó chuẩn bị thực hiện, đang thực hiện hoặc đã thực hiện đầu tư tại lãnh thổ của Bên khác;

quy tắc trọng tài LCIA là Quy tắc Trọng tài của Tòa trọng tài Quốc tế London;

tái cơ cấu theo thỏa thuận là cơ cấu lại hoặc đảo hạn nợ thông qua (i) điều chỉnh hay sửa đổi nợ theo điều kiện áp dụng đối với khoản nợ đó, hoặc (ii) chuyển đổi tổng thể nợ hay các quy trình tương tự trong đó người nắm giữ từ 75% trở lên giá trị nợ gốc của khoản nợ chưa trả đồng ý về việc chuyển đổi tổng thể nợ hay các quy trình tương tự;

Công ước New York là Công ước về Công nhận và Thực thi Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài, làm tại New York ngày 10/6/1958;

Bên không tranh chấp là một Bên không phải là bên tranh chấp đầu tư;

thông tin bảo mật là bí mật kinh doanh hoặc thông tin được hạn chế tiết lộ hoặc bảo mật bằng cách khác theo quy định pháp luật của một Bên, bao gồm thông tin mật của chính phủ;

bị đơn là Bên mà là một bên tranh chấp đầu tư;

Tổng Thư ký là Tổng Thư ký của Trung tâm ICSID; và

Quy tắc Trọng tài UNCITRAL là quy tắc trọng tài của Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế Liên hợp quốc.

hoặc nhà đầu tư của Bên khác ưu đãi đầu tư hoặc lợi ích cụ thể khác mà không do cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài cấp tại chấp thuận đầu tư.

¹¹ Trong định nghĩa này, “cơ quan quản lý đầu tư nước ngoài” tại thời điểm Hiệp định có hiệu lực: (a) đối với Australia là Bộ trưởng Ngân khố Australia theo chính sách đầu tư nước ngoài của Australia, bao gồm Luật mua bán, tiếp nhận đầu tư nước ngoài năm 1975; (b) đối với Canada là Bộ trưởng Công nghiệp, nhưng chỉ trong trường hợp ra thông báo theo Mục 21 và 22 của Luật đầu tư Canada; (c) đối với Mexico là Ủy ban Quốc gia về Đầu tư nước ngoài (Comisión Nacional de Inversiones Extranjeras); và (d) đối với New Zealand là Bộ trưởng Tài chính, Bộ trưởng Ngư nghiệp, hoặc Bộ trưởng Thông tin về Đất đai, trong phạm vi các Bộ trưởng ra quyết định chấp thuận theo quy định Luật Đầu tư nước ngoài 2005.

¹² Để rõ nghĩa hơn, đối với các định nghĩa về “nhà đầu tư của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định” và “nhà đầu tư của một Bên”, các Bên thừa nhận rằng nhà đầu tư “chuẩn bị thực hiện” đầu tư là khi nhà đầu tư đã tiến hành một hoặc nhiều hoạt động cần thiết để thực hiện đầu tư, như chuyên nguồn lực hoặc vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp, hoặc đăng ký chấp thuận hay cấp phép đầu tư.

Điều 9.2: Phạm vi áp dụng

1. Chương này áp dụng đối với các biện pháp do một Bên ban hành hoặc duy trì liên quan đến:
 - (a) nhà đầu tư của Bên khác;
 - (b) đầu tư theo Hiệp định này; và
 - (c) tất cả đầu tư trên lãnh thổ của Bên đó đối với nghĩa vụ tại Điều 9.10 (Yêu cầu Thực hiện) và Điều 9.16 (Đầu tư với Môi trường, Sức khỏe và các Mục tiêu quản lý khác).
2. Nghĩa vụ của một Bên trong Chương này áp dụng đối với các biện pháp được ban hành hoặc thực hiện bởi:
 - (a) cơ quan, chính quyền cấp trung ương, vùng hoặc địa phương của Bên đó; và
 - (b) bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, bao gồm doanh nghiệp nhà nước hoặc các tổ chức khác khi thực thi quyền hạn do chính phủ hoặc chính quyền cấp trung ương, vùng hay địa phương của Bên đó ủy nhiệm.¹³
3. Để rõ nghĩa hơn, Chương này không bắt buộc một Bên phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi, sự kiện đã xảy ra hoặc một tình huống đã không còn tồn tại trước ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Bên đó.

Điều 9.3: Quan hệ với các Chương khác

1. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Chương này và một Chương khác của Hiệp định thì Chương khác đó sẽ được áp dụng đối với nội dung có sự không thống nhất.
2. Yêu cầu của một Bên về việc nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phát hành bảo lãnh hoặc hình thức bảo đảm tài chính khác làm điều kiện cung cấp dịch vụ qua biên giới không tự nó tạo ra nghĩa vụ áp dụng Chương này đối với các biện pháp do Bên đó ban hành hoặc duy trì liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ qua biên giới. Chương này áp dụng đối với các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi Bên liên quan đến khoản bảo lãnh hoặc bảo đảm tài chính được phát hành, trong phạm vi khoản bảo lãnh hoặc bảo đảm tài chính đó là đầu tư theo Hiệp định này.

¹³ Để rõ nghĩa hơn, quyền hạn được ủy nhiệm theo quy định của pháp luật Bên đó, bao gồm ủy nhiệm thông qua hoạt động lập pháp hoặc lệnh của chính phủ, quyết định hoặc hoạt động khác chuyên giao hay ủy nhiệm việc thực thi thẩm quyền của cơ quan quản lý.

3. Chương này không áp dụng đối với các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi một Bên trong phạm vi các biện pháp đó được điều chỉnh bởi Chương 11 (Dịch vụ Tài chính).

Điều 9.4: Đối xử Quốc gia¹⁴

1. Mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác trên lãnh thổ của mình.

2. Mỗi Bên sẽ dành cho đầu tư theo Hiệp định này đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho đầu tư của nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ nước mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác.

3. Để rõ nghĩa hơn, sự đối xử của một Bên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, đối với chính quyền cấp vùng, là đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử thuận lợi nhất mà chính quyền cấp vùng của một Bên dành cho nhà đầu tư và đầu tư của nhà đầu tư của Bên đó trong điều kiện tương tự.

Điều 9.5: Đối xử Tối huệ quốc

1. Mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của bất kỳ Bên nào khác hoặc bên không phải là Bên ký kết Hiệp định, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác trên lãnh thổ của mình.

2. Mỗi Bên sẽ dành cho đầu tư theo Hiệp định này đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho đầu tư của bất kỳ Bên nào khác hoặc bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác.

3. Để rõ nghĩa hơn, đối xử trong Điều này không bao gồm thủ tục hoặc cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế như thủ tục, cơ chế quy định tại Mục B.

Điều 9.6: Tiêu chuẩn Đối xử Tối thiểu¹⁵

¹⁴ Để rõ nghĩa hơn, đối xử được thực hiện trong “điều kiện tương tự” theo Điều 9.4 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 9.5 (Đối xử tối huệ quốc) hay không tùy thuộc tổng thể vào các điều kiện, bao gồm việc đối xử liên quan có phân biệt giữa các nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư trên cơ sở mục tiêu phúc lợi cộng đồng hợp pháp hay không.

¹⁵ Điều 9.6 (Tiêu chuẩn Đối xử Tối thiểu) được giải thích phù hợp với Phụ lục 9-A (Luật Tập quán Quốc tế).

1. Mỗi Bên sẽ dành cho đầu tư theo hiệp định này đối xử phù hợp với các nguyên tắc áp dụng của luật tập quán quốc tế, bao gồm đối xử công bằng, thoả đáng, và bảo hộ an toàn, đầy đủ.

2. Để rõ nghĩa hơn, khoản 1 quy định tiêu chuẩn đối xử tối thiểu của luật tập quán quốc tế áp dụng đối với người nước ngoài là tiêu chuẩn đối xử dành cho đầu tư theo Hiệp định này. Các quy định về “đối xử công bằng, thoả đáng” và “bảo hộ an toàn, đầy đủ” không yêu cầu đối xử ngoài phạm vi hoặc vượt quá sự đối xử theo yêu cầu của tiêu chuẩn đó, và không tạo thêm các quyền bổ sung. Nghĩa vụ tại Khoản 1 quy định:

(a) “đối xử công bằng, thoả đáng” bao gồm nghĩa vụ không từ chối công lý trong các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự, hoặc hành chính phù hợp với nguyên tắc về thủ tục trong các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới; và

(b) “bảo hộ, an toàn đầy đủ” yêu cầu mỗi Bên phải thực hiện việc bảo vệ của cảnh sát theo yêu cầu của luật tập quán quốc tế.

3. Việc xác định có vi phạm quy định khác của Hiệp định này, hoặc hiệp định quốc tế độc lập, không được coi là cơ sở để xác định có vi phạm Điều này.

4. Để rõ nghĩa hơn, sự kiện thuần túy về việc một Bên có hành động hoặc không hành động mà có thể trái với kỳ vọng của nhà đầu tư không tạo ra vi phạm Điều này, kể cả trong trường hợp dẫn đến hậu quả thiệt hại đối với đầu tư theo Hiệp định này.

5. Để rõ nghĩa hơn, sự kiện thuần túy về việc trợ cấp hay cấp phát chưa được ban hành, làm mới hay duy trì, hoặc được sửa đổi hay cắt giảm bởi một Bên không tạo ra vi phạm Điều này, kể cả trong trường hợp dẫn đến hậu quả thiệt hại đối với đầu tư theo Hiệp định này.

Điều 9.7: Đối xử trong trường hợp xung đột vũ trang hoặc bạo loạn dân sự

1. Mặc dù có Điều 9.12.6(b) (Các biện pháp không tương thích), mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác và đầu tư theo Hiệp định này sự đối xử không phân biệt đối với các biện pháp mà Bên đó ban hành hoặc duy trì liên quan đến thiệt hại mà đầu tư trên lãnh thổ của mình gánh chịu do xung đột vũ trang hoặc bạo loạn dân sự gây ra.

2. Mặc dù có khoản 1, nếu nhà đầu tư của một Bên, trong trường hợp nêu tại khoản 1, bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên khác phát sinh từ việc:

(a) trưng dụng toàn bộ hoặc một phần đầu tư theo Hiệp định này bởi lực lượng hoặc chính quyền của Bên đó; hoặc

- (b) phá huỷ toàn bộ hoặc một phần đầu tư theo Hiệp định này bởi lực lượng hoặc chính quyền của Bên đó, mà không phải là yêu cầu cần thiết trong trường hợp đó,

Bên đó sẽ khắc phục, bồi thường thiệt hại hoặc cả hai một cách thích hợp cho nhà đầu tư.

3. Khoản 1 không áp dụng đối với các biện pháp hiện hành liên quan đến trợ cấp hoặc cấp phát không phù hợp với Điều 9.4 (Đối xử quốc gia) nhưng phù hợp với Điều 9.12.6(b) (Các biện pháp không tương thích).

Điều 9.8: Tước quyền sở hữu và Bồi thường¹⁶

1. Không Bên nào tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá đầu tư theo Hiệp định này bất kể là trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các biện pháp tương đương với tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá (gọi là “tước quyền sở hữu”), trừ trường hợp:

- (a) vì mục đích công cộng;^{17,18}
- (b) trên cơ sở không phân biệt đối xử;
- (c) thực hiện bồi thường nhanh chóng, thỏa đáng và hiệu quả theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4; và
- (d) phù hợp với thủ tục pháp luật.

2. Việc bồi thường sẽ:

- (a) được thanh toán không chậm trễ;

¹⁶ Điều 9.8 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) sẽ được giải thích theo Phụ lục 9-B và căn cứ vào Phụ lục 9-C (Tước quyền sở hữu liên quan đến đất đai).

¹⁷ Để rõ nghĩa hơn, trong Điều này, thuật ngữ “mục đích công cộng” viện dẫn đến khái niệm trong luật tập quán quốc tế. Pháp luật trong nước có thể quy định khái niệm này hoặc khái niệm tương tự bằng cách sử dụng những thuật ngữ khác, như “sự cần thiết công cộng”, “lợi ích công cộng”, hay “sử dụng công cộng”.

¹⁸ Để rõ nghĩa hơn: (i) Nếu Brunei Darussalam là Bên tước quyền sở hữu, bất cứ biện pháp tước quyền sở hữu trực tiếp liên quan đến đất đai sẽ được thực hiện vì mục đích quy định tại Bộ luật Đất đai (Chương 40) và Luật Thu hồi đất (Chương 41), vào ngày có hiệu lực của Hiệp định đối với Brunei Darussalam; và (ii) nếu Malaysia là Bên tước quyền sở hữu, bất cứ biện pháp tước quyền sở hữu trực tiếp liên quan đến đất đai sẽ được thực hiện vì mục đích quy định tại Luật Thu hồi đất năm 1960, Pháp lệnh Thu hồi đất năm 1950 của Bang Sabah và Bộ luật Đất đai năm 1958 của Bang Sarawak, vào ngày có hiệu lực của Hiệp định đối với Malaysia.

- (b) tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu ngay trước khi việc tước quyền sở hữu xảy ra (“ngày tước quyền sở hữu”);
- (c) không được phản ánh bất kỳ thay đổi về giá trị do việc tước quyền sở hữu dự kiến đã được biết trước; và
- (d) có tính thanh khoản hữu hiệu và được chuyển đổi tự do.

3. Nếu giá thị trường được tính bằng đồng tiền tự do sử dụng, khoản bồi thường sẽ không thấp hơn giá thị trường vào ngày tước quyền sở hữu, cộng với lãi tính theo lãi suất thương mại hợp lý cho đồng tiền đó, tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán.

4. Nếu giá thị trường tính bằng đồng tiền không được tự do sử dụng, khoản bồi thường chuyển đổi sang đồng tiền thanh toán theo tỷ giá hối đoái thị trường vào ngày thanh toán sẽ không thấp hơn:

- (a) giá thị trường vào ngày tước quyền sở hữu, chuyển đổi sang đồng tiền tự do sử dụng theo tỷ giá hối đoái thị trường áp dụng cho ngày đó, cộng với
- (b) lãi theo lãi suất thương mại hợp lý áp dụng cho đồng tiền tự do sử dụng, tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày thanh toán.

5. Điều này không áp dụng đối với việc cấp phép sử dụng bắt buộc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với Hiệp định TRIPS, hoặc việc thu hồi, hạn chế hoặc xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi mà việc cấp phép sử dụng, thu hồi, hạn chế hoặc xác lập quyền đó phù hợp với Chương 18 (Quyền sở hữu trí tuệ) và Hiệp định TRIPS.¹⁹

6. Để rõ nghĩa hơn, quyết định riêng biệt của một Bên về việc không ban hành, làm mới, hay duy trì một khoản trợ cấp hay cấp phát, hoặc quyết định điều chỉnh hay cắt giảm một khoản trợ cấp hay cấp phát,

- (a) trong trường hợp không có bất kỳ cam kết cụ thể theo pháp luật hoặc hợp đồng về việc ban hành, làm mới hoặc duy trì khoản trợ cấp hay hỗ trợ đó; hoặc
- (b) phù hợp với bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện của việc ban hành, làm mới, sửa đổi, cắt giảm và duy trì khoản trợ cấp hay hỗ trợ đó,

¹⁹ Để rõ nghĩa hơn, các Bên hiểu rằng, vì mục đích của Điều này, thuật ngữ “thu hồi” quyền sở hữu tài sản trí tuệ bao gồm việc huỷ bỏ hay vô hiệu hoá những quyền đó, và thuật ngữ “giới hạn” của quyền sở hữu tài sản trí tuệ bao gồm các ngoại lệ đối với những quyền đó.

không tạo ra việc tước quyền sở hữu.

Điều 9.9: Chuyển tiền²⁰

1. Mỗi Bên sẽ cho phép chuyển tự do, không chậm trễ vào và ra ngoài lãnh thổ của mình mọi khoản tiền liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này. Việc chuyển tiền bao gồm:

- (a) khoản góp vốn;²¹
- (b) lợi nhuận, cổ tức, tiền lãi, thu nhập từ vốn, các khoản thanh toán bản quyền, phí quản lý, phí hỗ trợ kỹ thuật và các phí khác;
- (c) các khoản thu từ việc bán, thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư theo Hiệp định này;
- (d) các khoản thanh toán theo hợp đồng, bao gồm thỏa thuận cho vay;
- (e) các khoản thanh toán theo Điều 9.7 (Đối xử trong trường hợp Xung đột Vũ trang hoặc Bạo loạn Dân sự) và Điều 9.8 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường); và
- (f) các khoản thanh toán phát sinh từ vụ tranh chấp.

2. Mỗi Bên cho phép chuyển các khoản tiền liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này thực hiện bằng đồng tiền tự do sử dụng theo tỷ giá thị trường tại thời điểm chuyển tiền.

3. Mỗi Bên cho phép thu nhập bằng hiện vật liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này được thực hiện theo chấp thuận hoặc cam kết bằng văn bản giữa một Bên và đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư của Bên kia.

4. Mặc dù có khoản 1, 2, và 3, một Bên có thể ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền thông qua việc áp dụng các quy định pháp luật một cách công bằng, không phân biệt đối xử và thiện chí²² liên quan đến:

- (a) phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc để bảo vệ quyền của chủ nợ;

²⁰ Để rõ nghĩa hơn, Điều 9.8 sẽ căn cứ vào Phụ lục 9-E.

²¹ Để rõ nghĩa hơn, các khoản góp vốn bao gồm khoản góp vốn ban đầu.

²² Để rõ nghĩa hơn, Điều này không ngăn cản việc áp dụng một cách công bằng, không phân biệt đối xử và thiện chí pháp luật của một Bên liên quan đến các chương trình bảo hiểm xã hội, hưu trí công cộng, hay tiết kiệm bắt buộc.

- (b) phát hành, kinh doanh, hoặc giao dịch chứng khoán, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh;
- (c) tội phạm hoặc vi phạm hình sự;
- (d) báo cáo tài chính hoặc việc lưu giữ sổ sách về việc chuyển tiền khi cần thiết để hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật hoặc quản lý tài chính; hoặc
- (e) bảo đảm sự tuân thủ với lệnh hay phán quyết trong thủ tục tư pháp hoặc hành chính.

5. Mặc dù có khoản 3, một Bên có thể hạn chế việc chuyển các khoản thu nhập bằng hiện vật trong những trường hợp mà Bên đó có thể hạn chế bằng cách khác theo Hiệp định này, bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 4.

Điều 9.10: Yêu cầu thực hiện

1. Không Bên nào được áp đặt hoặc thực thi bất cứ yêu cầu nào, hoặc thực thi bất cứ cam kết hay bảo đảm nào liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán hoặc định đoạt theo cách khác đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên hoặc của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình:²³

- (a) đề xuất khẩu một mức độ hoặc tỷ lệ nhất định hàng hoá hoặc dịch vụ;
- (b) để đạt mức độ hoặc tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa;
- (c) để mua, sử dụng, hoặc dành ưu đãi đối với hàng hoá sản xuất tại lãnh thổ của mình, hoặc để mua hàng hoá từ tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ của mình;
- (d) để ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hay giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với khoản đầu tư đó;
- (e) để hạn chế việc bán hàng hoá hoặc dịch vụ trên lãnh thổ của mình mà khoản đầu tư đó sản xuất hoặc cung cấp thông qua việc ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào việc bán hàng hoá hoặc dịch vụ với số lượng hay giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ từ khoản đầu tư đó;

²³ Để rõ nghĩa hơn, điều kiện để hưởng hoặc tiếp tục hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 2 không tạo ra “yêu cầu” hoặc “cam kết hay bảo đảm” theo mục đích quy định tại khoản 1.

- (f) để chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, hay kiến thức độc quyền khác cho một tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ của mình;
- (g) để cung cấp độc quyền hàng hoá hay dịch vụ do khoản đầu tư đó sản xuất hoặc cung cấp từ lãnh thổ của một Bên sang thị trường khu vực cụ thể hoặc thị trường thế giới; hoặc
- (h) (i) để mua, sử dụng, hay dành ưu đãi cho công nghệ của Bên đó hoặc tổ chức, cá nhân của Bên đó, trên lãnh thổ của mình²⁴; hoặc
 - (ii) để ngăn cản việc mua, sử dụng, hoặc dành ưu đãi cho công nghệ cụ thể trên lãnh thổ của mình; hoặc
- (i) để đưa ra:
 - (i) tỷ lệ hoặc giá trị tiền bản quyền nhất định trong hợp đồng li-xăng; hoặc
 - (ii) thời hạn cụ thể của hợp đồng li-xăng,

đối với bất kỳ hợp đồng li-xăng nào đã tồn tại vào thời điểm yêu cầu được áp đặt hoặc thực thi, hoặc cam kết hay bảo đảm được thực thi, hoặc các hợp đồng li-xăng trong tương lai²⁵ được thoả thuận tự do giữa nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ của Bên đó, với điều kiện các yêu cầu đó được áp đặt hoặc các cam kết hay bảo đảm đó được thực thi theo cách thức tạo ra can thiệp trực tiếp vào hợp đồng li-xăng đó bởi cơ quan chính phủ không thực hiện chức năng tư pháp của một Bên. Để rõ nghĩa hơn, đoạn 1(i) không áp dụng khi hợp đồng li-xăng được ký kết giữa nhà đầu tư và một Bên.

2. Không Bên nào được đưa ra điều kiện hưởng hoặc tiếp tục hưởng ưu đãi, liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán hay định đoạt theo cách khác đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên hoặc của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình, phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào:

- (a) để đạt mức độ hoặc tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa;

²⁴ Trong Điều này, thuật ngữ “công nghệ của Bên đó hoặc tổ chức, cá nhân của Bên đó” bao gồm công nghệ do Bên đó hoặc của tổ chức, cá nhân của Bên đó sở hữu, và công nghệ mà Bên đó hoặc tổ chức, cá nhân của Bên đó có giấy phép độc quyền.

²⁵ “Hợp đồng li-xăng” dẫn chiếu tại khoản này là bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến việc chuyển giao quyền sử dụng đối với công nghệ, quy trình sản xuất, hoặc kiến thức độc quyền khác.

- (b) để mua, sử dụng, hoặc dành ưu đãi đối với hàng hóa sản xuất tại lãnh thổ của mình, hoặc để mua hàng hóa từ tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ của mình;
- (c) để ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hay giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với khoản đầu tư đó;
- (d) để hạn chế việc bán hàng hoá hoặc dịch vụ trên lãnh thổ của mình mà khoản đầu tư sản xuất hoặc cung cấp thông qua việc ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào việc bán hàng hóa hoặc dịch vụ với số lượng hay giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ từ khoản đầu tư đó;

3. (a) không có quy định nào tại khoản 2 được hiểu là để ngăn cản một Bên đưa ra điều kiện về việc hưởng hay tiếp tục hưởng ưu đãi, đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên hoặc của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình, phải tuân thủ yêu cầu lựa chọn địa điểm sản xuất, cung cấp dịch vụ, đào tạo hay tuyển dụng lao động, xây dựng hay mở rộng cơ sở vật chất, hoặc tiến hành hoạt động nghiên cứu, phát triển trên lãnh thổ của mình.

(b) đoạn 1(f), đoạn 1(h), và đoạn 1(i) không áp dụng:

- (i) nếu một Bên trao quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với Điều 31²⁶ của Hiệp định TRIPS, hoặc đối với các biện pháp yêu cầu tiết lộ thông tin độc quyền thuộc phạm vi và phù hợp với Điều 39 của Hiệp định TRIPS; hoặc
- (ii) nếu yêu cầu đó được áp đặt hoặc cam kết hay bảo đảm đó được thực thi bởi toà án, cơ quan tài phán hành chính hay cơ quan quản lý cạnh tranh để khắc phục thực trạng được xác định theo thủ tục tư pháp hoặc hành chính là phi cạnh tranh theo luật cạnh tranh của Bên đó.^{27, 28}

(c) Đoạn (1)(i) không áp dụng nếu yêu cầu đó được áp đặt hoặc cam kết hay bảo đảm đó được thực thi bởi trọng tài với tính chất là khoản thanh toán công bằng theo pháp luật về bản quyền của Bên đó.

²⁶ Việc dẫn chiếu “Điều 31” bao gồm bất kỳ từ bỏ hoặc bổ sung Hiệp định TRIPS thực thi khoản 6 của Tuyên bố Doha về Hiệp định TRIPS và Sức khỏe cộng đồng (WT/MIN(01)/DEC/2).

²⁷ Các Bên thừa nhận rằng một sáng chế không nhất thiết tạo ra sức mạnh thị trường.

²⁸ Trong trường hợp của Brunei Darussalam, trong 10 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực đối với nước này hoặc cho đến khi thành lập cơ quan hoặc các cơ quan quản lý cạnh tranh, tùy thuộc vào việc nào xảy ra trước, việc dẫn chiếu đến luật cạnh tranh của Bên đó bao gồm các quy định về cạnh tranh.

- (d) Với điều kiện các biện pháp này không được áp dụng một cách tùy tiện hoặc vô lý, hoặc không được tạo ra hạn chế trả hình đối với thương mại hay đầu tư quốc tế, khoản 1(b), 1(c), 1(f), 2(a) và 2(b) không được hiểu là để ngăn cản một Bên ban hành hoặc duy trì các biện pháp, bao gồm cả biện pháp môi trường:
 - (i) cần thiết để bảo đảm việc tuân thủ các luật và quy định không trái với Hiệp định này;
 - (ii) cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người, động, thực vật; hoặc
 - (iii) liên quan tới việc bảo tồn các nguồn tài nguyên sinh vật và tài nguyên thiên nhiên khác có thể bị cạn kiệt.
- (e) Các khoản 1(a), 1(b), 1(c), 2(a) và (b) không áp dụng đối với các yêu cầu tiêu chuẩn của hàng hoá hay dịch vụ liên quan đến chương trình xúc tiến xuất khẩu và hỗ trợ nước ngoài.
- (f) Các khoản 1(b), 1(c), 1(f), 1(g), 1(h), 1(i), 2(a) and 2(b) không áp dụng đối với mua sắm của chính phủ.
- (g) Các khoản 2(a) và 2(b) không áp dụng đối với các yêu cầu do một Bên nhập khẩu đặt ra liên quan đến nội dung hàng hoá cần thiết đáp ứng tiêu chuẩn hưởng ưu đãi thuế quan hoặc hạn ngạch ưu đãi.
- (h) Khoản (1)(h) và (1)(i) không được hiểu là ngăn cản một Bên ban hành hay duy trì các biện pháp để bảo vệ các mục tiêu phúc lợi công cộng hợp pháp, với điều kiện biện pháp đó không được áp dụng một cách tùy tiện hoặc vô lý, hoặc theo cách thức tạo ra hạn chế trả hình đối với thương mại hay đầu tư quốc tế.

4. Để rõ nghĩa hơn, không có quy định nào tại khoản 1 được hiểu là ngăn cản một Bên, liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán, hoặc định đoạt theo cách khác đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên hoặc của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định tại lãnh thổ của mình, áp đặt hoặc thực thi yêu cầu, hoặc thực thi cam kết hay bảo đảm để tuyển dụng hay đào tạo lao động trên lãnh thổ của mình với điều kiện việc tuyển dụng hay đào tạo đó không yêu cầu chuyên giao công nghệ, quy trình sản xuất hay kiến thức độc quyền cụ thể cho một tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ của mình.

5. Để rõ nghĩa hơn, khoản 1 và 2 không áp dụng đối với bất cứ cam kết, bảo đảm, hoặc yêu cầu nào trừ những yêu cầu được quy định tại các khoản này.

6. Điều này không ngăn cản việc thực thi bất kỳ cam kết, bảo đảm, hay yêu cầu nào giữa các bên tư nhân, nếu một Bên đã không áp đặt hay yêu cầu việc cam kết, bảo đảm hoặc yêu cầu đó.

Điều 9.11: Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị

1. Không Bên nào được yêu cầu một doanh nghiệp của Bên đó là đầu tư theo Hiệp định này phải bổ nhiệm thể nhân có quốc tịch nhất định vào vị trí quản lý cấp cao.

2. Mỗi Bên có thể yêu cầu đa số nhân sự của hội đồng quản trị, hoặc bất kỳ ủy ban nào thuộc hội đồng quản trị của doanh nghiệp của Bên đó là đầu tư theo Hiệp định này có quốc tịch cụ thể, hoặc thường trú tại lãnh thổ của mình, với điều kiện yêu cầu đó không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của nhà đầu tư thực hiện kiểm soát đầu tư của mình.

Điều 9.12: Các biện pháp không tương thích

1. Điều 9.4 (Đối xử quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.10 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.11 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng đối với:

- (a) bất kỳ biện pháp hiện hành không tương thích được duy trì bởi một Bên tại:
 - (i) chính quyền trung ương, theo bảo lưu của Bên đó tại Biểu trong Phụ lục I của mình,
 - (ii) chính quyền cấp vùng, theo bảo lưu của Bên đó tại Biểu trong Phụ lục I của mình, hoặc
 - (iii) chính quyền địa phương;
- (b) việc tiếp tục áp dụng hoặc làm mới các biện pháp không tương thích nêu tại đoạn (a); hoặc
- (c) việc sửa đổi các biện pháp không tương thích nêu tại đoạn (a) trong chừng mực việc sửa đổi này không giảm mức độ tương thích của biện pháp đó, như đã tồn tại ngay trước thời điểm sửa đổi, với Điều 9.4 (Đối xử quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.10 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.11 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị).²⁹

²⁹ Phụ lục 9-I áp dụng đối với Việt Nam.

2. Điều 9.4 (Đối xử quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.10 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.11 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng đối với biện pháp mà một Bên ban hành hoặc duy trì đối với các ngành, phân ngành, hoặc hoạt động, theo bảo lưu của Bên đó tại Biểu trong Phụ lục II của mình.

3. Nếu một Bên xét thấy biện pháp không tương thích được áp dụng bởi chính quyền cấp vùng của Bên khác nêu tại khoản 1(a)(ii) tạo ra cản trở đáng kể đối với đầu tư liên quan đến mình, Bên đó có thể yêu cầu tham vấn về các biện pháp đó. Các Bên sẽ tiến hành tham vấn nhằm trao đổi thông tin về việc thực thi các biện pháp đó và xem xét các bước cần thiết và phù hợp tiếp theo.³⁰

4. Không Bên nào, căn cứ các biện pháp ban hành sau ngày có hiệu lực của Hiệp định này đối với Bên đó và thuộc phạm vi điều chỉnh tại Biểu trong Phụ lục II của mình, được yêu cầu nhà đầu tư của Bên khác vì lý do quốc tịch, phải bán hoặc định đoạt theo cách khác đối với đầu tư đã tồn tại vào thời điểm biện pháp đó có hiệu lực.

5. (a) Điều 9.4 (Đối xử quốc gia) không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào thuộc phạm vi ngoại lệ hoặc miễn trừ đối với nghĩa vụ theo quy định tại:

(i) Điều 18.8 (Đối xử Quốc gia); hoặc

(ii) Điều 3 của Hiệp định TRIPS, nếu ngoại lệ hoặc miễn trừ liên quan đến vấn đề không được quy định tại Chương 18 (Sở hữu Trí tuệ).

(b) Điều 9.5 (Đối xử tối huệ quốc) không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào thuộc phạm vi Điều 5 của Hiệp định TRIPS, hoặc ngoại lệ hay miễn trừ đối với nghĩa vụ quy định tại:

(i) Điều 18.8 (Đối xử Quốc gia); hoặc

(ii) Điều 4 của Hiệp định TRIPS.

6. Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), và Điều 9.11 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng đối với:

(a) mua sắm của chính phủ; hoặc

(b) các khoản trợ cấp hoặc hỗ trợ do một Bên cung cấp, bao gồm các khoản cho vay có hỗ trợ của chính phủ, bảo lãnh, và bảo hiểm.

³⁰ Để rõ nghĩa hơn, các Bên có thể yêu cầu tham vấn với Bên kia liên quan đến biện pháp không tương thích được áp dụng bởi chính quyền trung ương, như đề cập tại khoản 1(a)(i).

7. Để rõ nghĩa hơn, bất kỳ sửa đổi hoặc điều chỉnh đối với biểu của Phụ lục I hoặc Phụ lục II của một Bên theo Điều này sẽ được thực hiện phù hợp với Điều 30.2 (Sửa đổi).

Điều 9.13: Thế quyền

Nếu một Bên hoặc bất kỳ cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật, hoặc công ty do Bên đó chỉ định thanh toán cho nhà đầu tư của mình dưới hình thức bảo đảm, hợp đồng bảo hiểm, hay các hình thức bồi thường khác mà Bên đó ký kết liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này, thì Bên khác tại lãnh thổ mà đầu tư theo Hiệp định này được thực hiện, sẽ thừa nhận việc thế quyền hay chuyển bất cứ quyền nào mà nhà đầu tư có được theo Chương này liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này nhưng đã chuyển giao, và nhà đầu tư sẽ không được thực hiện những quyền đã chuyển giao.

Điều 9.14: Thủ tục riêng biệt và Yêu cầu thông tin

1. Không quy định nào tại Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) được hiểu là cản trở một Bên ban hành hoặc duy trì biện pháp tạo ra các thủ tục riêng biệt liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này, như yêu cầu thường trú khi đăng ký hoặc yêu cầu đầu tư theo Hiệp định này được thành lập hợp pháp theo quy định pháp luật của Bên đó, với điều kiện những thủ tục đó không ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo hộ mà một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên khác và đầu tư theo Hiệp định phù hợp với Chương này.

2. Mặc dù có Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) và Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), một Bên có thể yêu cầu nhà đầu tư của Bên khác hoặc đầu tư theo Hiệp định này cung cấp thông tin liên quan đến đầu tư nhằm mục đích thống kê hoặc thông tin. Bên đó sẽ bảo vệ thông tin là thông tin cần bảo mật không bị tiết lộ mà có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của nhà đầu tư hoặc đầu tư theo Hiệp định này. Không có quy định nào của khoản này được hiểu là ngăn cản một Bên thu thập hoặc tiết lộ khác đối với thông tin liên quan đến việc áp dụng pháp luật của mình một cách công bằng và thiện chí.

Điều 9.15: Từ chối lợi ích

1. Một Bên có thể từ chối dành lợi ích của Chương này đối với nhà đầu tư của Bên khác là doanh nghiệp của Bên khác đó và đối với đầu tư của nhà đầu tư đó nếu doanh nghiệp đó:

- (a) được sở hữu hoặc kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định hoặc của Bên từ chối lợi ích; và

- (b) không có hoạt động kinh doanh đáng kể trên lãnh thổ của bất kỳ Bên nào khác ngoài Bên từ chối lợi ích.

2. Một Bên có thể từ chối dành lợi ích của Chương này đối với nhà đầu tư của Bên khác là doanh nghiệp của Bên khác đó và đối với đầu tư của nhà đầu tư đó nếu tổ chức, cá nhân của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định sở hữu hoặc kiểm soát doanh nghiệp đó và Bên từ chối lợi ích ban hành hay duy trì các biện pháp với bên không phải là Bên ký kết Hiệp định hoặc với tổ chức, cá nhân của bên đó mà biện pháp này cấm giao dịch với doanh nghiệp đó hoặc có thể bị vi phạm hay bỏ qua nếu lợi ích của Chương này được dành cho doanh nghiệp hoặc đầu tư của doanh nghiệp đó.

Điều 9.16: Đầu tư và môi trường, sức khoẻ và các mục tiêu quản lý khác

Không có quy định nào trong Chương này được hiểu là để ngăn cản một Bên ban hành, duy trì, hay thực thi bất kỳ biện pháp khác phù hợp với Chương này mà Bên đó cho rằng thích hợp để bảo đảm hoạt động đầu tư trên lãnh thổ của mình được thực hiện theo cách thức nhạy cảm với môi trường, sức khoẻ hoặc mục tiêu quản lý khác.

Điều 9.17: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Các Bên khẳng định lại tầm quan trọng của mỗi Bên trong việc khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ hoặc thuộc quyền tài phán của mình tự nguyện đưa vào chính sách nội bộ những tiêu chuẩn, hướng dẫn và nguyên tắc về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được quốc tế thừa nhận mà Bên đó đã phê chuẩn hoặc ủng hộ.

Mục B: Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư

Điều 9.18: Tham vấn và Thương lượng

1. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đầu tư, nguyên đơn và bị đơn trước hết cần tìm cách giải quyết tranh chấp thông qua tham vấn và thương lượng, có thể bao gồm thủ tục có sự tham gia của bên thứ ba, không bắt buộc, như thông qua trung gian, hoà giải hoặc dàn xếp.
2. Nguyên đơn sẽ gửi cho bị đơn yêu cầu tham vấn bằng văn bản mô tả tóm tắt sự kiện liên quan đến biện pháp hoặc các biện pháp tranh chấp.
3. Để rõ nghĩa hơn, việc khởi động tham vấn và thương lượng không được hiểu là thừa nhận quyền tài phán của trọng tài.

Điều 9.19. Trình Khiếu kiện ra Trọng tài

1. Nếu tranh chấp đầu tư không được giải quyết trong vòng 6 tháng kể từ ngày bị đơn nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản theo Điều 9.18.2 (Tham vấn và Thương lượng):

- (a) Nguyên đơn, nhân danh chính mình, có thể trình ra trọng tài theo Mục này khiếu kiện mà:
 - (i) bị đơn đã vi phạm:
 - (A) nghĩa vụ theo Mục A
 - (B) chấp thuận đầu tư,³¹ hoặc
 - (C) hợp đồng đầu tư; và
 - (ii) nguyên đơn bị tổn thất hoặc thiệt hại bởi nguyên nhân hoặc do phát sinh từ vi phạm đó; và
- (b) nguyên đơn, đại diện cho doanh nghiệp của bị đơn, là pháp nhân do nguyên đơn sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp, có thể trình ra trọng tài theo Mục này khiếu kiện mà:
 - (i) bị đơn đó đã vi phạm:
 - (A) nghĩa vụ theo Mục A
 - (B) chấp thuận đầu tư, hoặc
 - (C) hợp đồng đầu tư; và
 - (ii) doanh nghiệp đó bị tổn thất hoặc thiệt hại bởi nguyên nhân hoặc do phát sinh từ vi phạm đó,

với điều kiện nguyên đơn có thể trình theo đoạn (a)(i)(C) hoặc (b)(i)(C) khiếu kiện về việc vi phạm hợp đồng đầu tư chỉ khi vấn đề khiếu kiện và thiệt hại yêu cầu bồi thường liên quan trực tiếp đến đầu tư theo Hiệp định này được thành lập,

³¹ Không ảnh hưởng đến quyền của nguyên đơn trình các khiếu kiện khác ra trọng tài theo Điều này, nguyên đơn không được trình ra trọng tài khiếu kiện theo đoạn (a)(i)(B) hoặc đoạn (b)(i)(B) mà một Bên quy định tại Phụ lục 9-H vi phạm chấp thuận đầu tư bằng cách thực thi các điều kiện, yêu cầu mà chấp thuận đầu tư được cấp.

mua lại, hoặc được yêu cầu thành lập, mua lại trên cơ sở hợp đồng đầu tư liên quan.

2. Khi nguyên đơn trình khiếu kiện theo khoản (1)(a)(i)(B), khoản (1)(a)(i)(C), khoản (1)(b)(i)(B) hoặc khoản (1)(b)(i)(C), bị đơn có thể kiện ngược nguyên đơn liên quan đến cơ sở thực tế và pháp lý của khiếu kiện hoặc dựa vào khiếu kiện để giám trừ nghĩa vụ với nguyên đơn.³²

3. Ít nhất 90 ngày trước khi trình bất kỳ khiếu kiện nào ra trọng tài theo Mục này, nguyên đơn phải gửi cho bị đơn thông báo bằng văn bản về ý định của mình trình khiếu kiện ra trọng tài (“thông báo về ý định”). Thông báo này phải nêu rõ:

- (a) tên và địa chỉ của nguyên đơn và tên, địa chỉ và nơi thành lập doanh nghiệp nếu khiếu kiện được trình nhân danh doanh nghiệp;
- (b) với từng khiếu kiện, điều khoản của Hiệp định này, chấp thuận đầu tư, hay hợp đồng đầu tư bị cáo buộc vi phạm và bất kỳ điều khoản liên quan nào khác;
- (c) cơ sở pháp lý và thực tế của từng khiếu kiện; và
- (d) các biện pháp khắc phục và ước tính mức thiệt hại yêu cầu bồi thường.

4. Nguyên đơn có thể trình khiếu kiện nêu tại khoản 1 theo một trong các lựa chọn sau:

- (a) Công ước ICSID và Quy tắc về Thủ tục Tố tụng Trọng tài của ICSID, với điều kiện cả bị đơn và Quốc gia của nguyên đơn là thành viên của Công ước ICSID;
- (b) theo Cơ chế phụ trợ ICSID, với điều kiện bị đơn hoặc Quốc gia của nguyên đơn là thành viên của Công ước ICSID;
- (c) theo Quy tắc trọng tài UNCITRAL; hoặc
- (d) theo thiết chế hoặc quy tắc trọng tài khác nếu nguyên đơn và bị đơn đồng ý.

³² Trong trường hợp chấp thuận đầu tư, khoản này chỉ áp dụng trong phạm vi mà chấp thuận đầu tư, bao gồm các hình thức thực thi sau ngày chấp thuận đầu tư được cấp, tạo ra quyền và nghĩa vụ cho các bên tranh chấp.

5. Khiếu kiện được coi là đã trình ra trọng tài theo Mục này khi thông báo hay yêu cầu của nguyên đơn đưa tranh chấp ra trọng tài (“thông báo trọng tài”):

- (a) theo Công ước ICSID được chuyển đến Tổng Thư ký;
- (b) theo Quy tắc phụ trợ ICSID được chuyển đến Tổng Thư ký;
- (c) theo Quy tắc trọng tài UNCITRAL được chuyển đến bị đơn cùng với tuyên bố khởi kiện kèm theo; hoặc
- (d) theo thiết chế hoặc quy tắc trọng tài khác lựa chọn tại khoản 4(d) được chuyển đến bị đơn.

Một khiếu kiện do nguyên đơn thực hiện lần đầu sau khi gửi thông báo trọng tài được coi là đã trình ra trọng tài theo Mục này vào ngày trọng tài nhận được theo quy tắc trọng tài áp dụng.

6. Quy tắc trọng tài áp dụng theo khoản 4 có hiệu lực vào ngày khiếu kiện hoặc các khiếu kiện được trình ra trọng tài theo Mục này sẽ điều chỉnh hoạt động trọng tài trừ những nội dung được sửa đổi bởi Hiệp định này.

7. Nguyên đơn phải cung cấp cùng với thông báo trọng tài:

- (a) tên của trọng tài mà nguyên đơn chỉ định; hoặc
- (b) chấp thuận bằng văn bản của nguyên đơn về việc Tổng Thư ký chỉ định trọng tài.

Điều 9.20: Chấp thuận của các Bên về trọng tài

1. Mỗi Bên chấp thuận việc trình khiếu kiện ra trọng tài theo Mục này phù hợp với Hiệp định này.

2. Việc chấp thuận tại khoản 1 và việc trình khiếu kiện ra trọng tài theo Mục này được coi là đáp ứng yêu cầu của:

- (a) Chương II của Công ước ICSID (Quyền tài phán của Trung tâm) và Quy tắc phụ trợ ICSID về chấp thuận bằng văn bản của các bên tranh chấp;
- (b) Điều 9 của Công ước New York về “thỏa thuận bằng văn bản” và
- (c) Điều I của Công ước Liên Châu Mỹ về “thỏa thuận”.

Điều 9.21: Điều kiện và hạn chế chấp thuận của mỗi Bên

1. Không khiếu kiện nào được trình ra trọng tài theo Mục này nếu quá ba (3) năm sáu (6) tháng kể từ ngày nguyên đơn biết, hoặc cần phải biết về vi phạm bị cáo buộc theo Điều 9.19.1 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) và việc nguyên đơn (đối với khiếu kiện theo Điều 9.19.1(a)) hoặc doanh nghiệp (đối với khiếu kiện theo Điều 9.18.1(b)) bị tổn thất hay thiệt hại.

2. Không khiếu kiện nào được trình ra trọng tài theo Mục này trừ khi:

(a) nguyên đơn chấp thuận bằng văn bản về trọng tài theo thủ tục quy định tại Hiệp định này; và

(b) thông báo trọng tài được gửi kèm:

(i) đối với khiếu kiện trình ra trọng tài theo Điều 9.19.1(a) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), cùng với văn bản khước từ của nguyên đơn, và

(ii) đối với khiếu kiện trình ra trọng tài theo Điều 9.19.1(b) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), cùng với văn bản khước từ của nguyên đơn và doanh nghiệp

về bất kỳ quyền khởi kiện hoặc tiếp tục vụ kiện tại toà án hoặc trọng tài hành chính theo pháp luật của một Bên, hoặc bất kỳ các thủ tục giải quyết tranh chấp khác, bất kỳ thủ tục nào liên quan đến biện pháp bị báo buộc tạo ra vi phạm nêu tại Điều 9.19 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài).

3. Mặc dù có khoản 2(b), nguyên đơn (đối với các khiếu kiện trình ra trọng tài theo Điều 9.19.1(a) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài)) và nguyên đơn hoặc doanh nghiệp (đối với các khiếu kiện trình ra trọng tài theo Điều 9.19(1)(b)) có thể bắt đầu hoặc tiếp tục yêu cầu thực hiện biện pháp ngăn chặn tạm thời và không liên quan đến việc thanh toán tiền bồi thường tại cơ quan tư pháp hoặc trọng tài hành chính của bị đơn, với điều kiện hoạt động đó được thực hiện nhằm mục đích duy nhất là bảo toàn quyền và lợi ích của nguyên đơn hay doanh nghiệp trong thời gian chờ trọng tài phân xử.

Điều 9.22: Lựa chọn trọng tài

1. Trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài sẽ gồm 3 trọng tài, mỗi trọng tài sẽ do các bên tranh chấp chỉ định và trọng tài thứ ba là trọng tài chủ tọa, sẽ do các bên tranh chấp thống nhất chỉ định.
2. Tổng Thư ký thực thi quyền chỉ định trọng tài theo Mục này.
3. Nếu trọng tài không được thành lập trong vòng 75 ngày sau ngày khiếu kiện được trình ra trọng tài theo Mục này, Tổng Thư ký, theo yêu cầu của một bên tranh chấp, sẽ chỉ định theo lựa chọn của mình trọng tài hoặc các trọng tài chưa được chỉ định. Tổng Thư ký sẽ không chỉ định công dân của bị đơn hay Quốc gia của nguyên đơn làm trọng tài chủ tọa trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác.
4. Đối với Điều 39 Công ước ICSID và Điều 7 Phụ lục C của Quy tắc phụ trợ ICSID, và không ảnh hưởng đến việc phản đối một trọng tài vì lý do ngoài lý do quốc tịch:
 - (a) bị đơn đồng ý việc chỉ định từng thành viên của trọng tài thành lập theo Công ước ICSID hay Quy tắc phụ trợ ICSID;
 - (b) nguyên đơn nêu tại Điều 9.19.1(a) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) có thể trình khiếu kiện ra trọng tài theo Mục này, hoặc tiếp tục khiếu kiện, theo Công ước ICSID hay Quy tắc phụ trợ ICSID, chỉ khi đáp ứng điều kiện nguyên đơn đó đồng ý bằng văn bản về việc chỉ định từng thành viên của trọng tài; và
 - (c) nguyên đơn nêu tại Điều 9.19.1(b)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) có thể khiếu kiện ra trọng tài theo Mục này, hoặc tiếp tục khiếu kiện, theo Công ước ICSID hay Quy tắc phụ trợ ICSID, chỉ khi đáp ứng điều kiện nguyên đơn và doanh nghiệp đó đồng ý bằng văn bản về việc chỉ định từng thành viên của trọng tài;
5. Khi chỉ định các trọng tài làm trọng tài phân xử các khiếu kiện được trình theo Điều 9.19(1)(a)(i)(B)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), Điều 9.19(1)(b)(i)(B), Điều 9.19(1)(a)(i)(C), hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(C), mỗi bên tranh chấp sẽ xem xét yếu tố chuyên môn hoặc kinh nghiệm phù hợp của từng ứng cử viên về luật áp dụng có liên quan theo Điều 9.25.2 (Luật Áp dụng). Nếu các bên không thống nhất được việc chỉ định trọng tài chủ tọa, Tổng Thư ký cũng sẽ xem xét yếu tố chuyên môn hoặc kinh nghiệm phù hợp của từng ứng viên về luật áp dụng có liên quan theo Điều 9.25.2.
6. Trước khi Hiệp định này có hiệu lực, các Bên sẽ hướng dẫn việc áp dụng Bộ quy tắc Ứng xử về thủ tục giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết

tranh chấp) cho các trọng tài được lựa chọn để làm việc tại hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư theo Điều này, bao gồm những sửa đổi cần thiết về Bộ quy tắc Ứng xử phù hợp với bối cảnh giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư. Các Bên cũng sẽ hướng dẫn về áp dụng các nguyên tắc liên quan khác hoặc các hướng dẫn về xung đột lợi ích của trọng tài quốc tế. Các trọng tài sẽ tuân thủ hướng dẫn đó cùng với các nguyên tắc trọng tài áp dụng về tính độc lập và khách quan của trọng tài.

Điều 9.23: Điều hành của trọng tài

1. Các bên tranh chấp có thể thỏa thuận về địa điểm xét xử của trọng tài theo quy tắc trọng tài áp dụng tại Điều 9.19.4 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài). Nếu các bên tranh chấp không đạt được thỏa thuận, trọng tài sẽ quyết định địa điểm phù hợp với quy tắc trọng tài được áp dụng, với điều kiện địa điểm đó sẽ tại lãnh thổ của Quốc gia là thành viên của Công ước New York.

2. Bên không tranh chấp có thể trình trực tiếp hoặc bằng văn bản ra trọng tài về việc giải thích Hiệp định này.

3. Sau khi tham vấn các bên tranh chấp, trọng tài có thể chấp nhận và xem xét các trình báo bằng văn bản liên quan đến vấn đề thực tế hoặc pháp luật thuộc phạm vi tranh chấp mà có thể giúp trọng tài đánh giá các trình báo và lập luận của các bên tranh chấp, từ các tổ chức, cá nhân không phải là bên tranh chấp nhưng có lợi ích đáng kể trong thủ tục trọng tài này. Mỗi trình báo phải xác định người trình báo; mỗi quan hệ trực tiếp hay gián tiếp với bất kỳ bên tranh chấp nào; tổ chức, cá nhân, chính phủ hay bất kỳ tổ chức nào khác đã cung cấp hoặc sẽ cung cấp tài chính hoặc các hỗ trợ khác để chuẩn bị trình báo. Mỗi trình báo sẽ được thực hiện bằng ngôn ngữ trọng tài và tuân thủ giới hạn số trang và thời hạn do trọng tài ấn định. Trọng tài sẽ dành cho các bên tranh chấp cơ hội trả lời trình báo này. Trọng tài sẽ bảo đảm việc trình báo không làm gián đoạn hay tạo thêm gánh nặng quá mức cần thiết đối với thủ tục trọng tài, hoặc gây ảnh hưởng không công bằng tới bất kỳ bên tranh chấp nào.

4. Không ảnh hưởng đến thẩm quyền của trọng tài trong việc giải quyết các phản đối khác với tính chất là vấn đề đầu tiên, ví dụ phản đối về một tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài, bao gồm phản đối về quyền tài phán của trọng tài, trọng tài sẽ giải quyết và quyết định đối với bất kỳ phản đối nào của bị đơn với tính chất là vấn đề đầu tiên, mà xét dưới góc độ pháp luật, một khiếu kiện đã trình không phải là khiếu kiện mà phán quyết có lợi cho nguyên đơn có thể được ban hành theo Điều 9.29 (Phán quyết) hoặc khiếu kiện rõ ràng là không có giá trị pháp lý.

- (a) Phản đối theo khoản này sẽ được trình ra trọng tài ngay sau khi trọng tài được thành lập, và không muộn hơn ngày trọng tài ấn định cho bị đơn trình ý kiến phản biện hoặc, trong trường hợp sửa đổi thông báo trọng tài, không muộn hơn ngày trọng tài ấn định cho bị đơn trình văn bản trả lời đối với sửa đổi đó.
- (b) Khi nhận được phản đối theo khoản này, trọng tài sẽ dừng các thủ tục xem xét nội dung của vụ kiện, lập kế hoạch xem xét phản đối đó phù hợp với lịch trình mà trọng tài đã xác định để xem xét bất kỳ vấn đề đầu tiên nào khác, và ra quyết định hay phán quyết đối với phản đối đó, trong đó nêu rõ cơ sở của quyết định, phán quyết.
- (c) Khi ra quyết định đối với phản đối theo khoản này, trong đó khiếu kiện đã trình không phải là khiếu kiện mà phán quyết có lợi cho nguyên đơn có thể được ban hành theo Điều 9.29 (Phán quyết), trọng tài sẽ giả định là đúng đối với cáo buộc thực tế của nguyên đơn lập luận cho khiếu kiện trong thông báo trọng tài (hoặc bất kỳ sửa đổi nào kế tiếp) và trong tuyên bố khởi kiện nêu tại điều khoản liên quan của Quy tắc trọng tài UNCITRAL đối với tranh chấp giải quyết theo Quy tắc trọng tài UNCITRAL. Trọng tài cũng có thể xem xét các sự kiện liên quan không có tranh chấp.
- (d) Bị đơn không từ bỏ bất kỳ quyền phản đối nào về thẩm quyền, bao gồm phản đối về quyền tài phán, hay bất kỳ lập luận nào về nội dung vụ kiện chỉ vì bị đơn đã hoặc đã không đưa ra phản đối theo khoản này hoặc sử dụng thủ tục quyết định nhanh quy định tại khoản 5.

5. Trường hợp bị đơn có đề nghị trong vòng 45 ngày sau khi trọng tài được thành lập, trọng tài sẽ quyết định nhanh đối với phản đối theo khoản 4 hoặc bất kỳ phản đối nào cho rằng tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài, bao gồm phản đối về việc tranh chấp không thuộc quyền tài phán của trọng tài. Trọng tài sẽ dừng các thủ tục xem xét về nội dung của vụ kiện và ra quyết định hoặc phán quyết đối với phản đối đó, trong đó nêu rõ cơ sở ra quyết định hoặc phán quyết, không muộn hơn 150 ngày sau ngày có yêu cầu. Tuy nhiên, nếu một bên tranh chấp yêu cầu mở phiên tòa, trọng tài có thể kéo dài thời hạn ra quyết định hoặc phán quyết thêm 30 ngày. Cho dù có hay không yêu cầu mở phiên tòa, trọng tài có thể hoãn việc ra quyết định hoặc phán quyết trong thời gian ngắn bổ sung không quá 30 ngày nếu có lý do đặc biệt.

6. Khi quyết định đối với phản đối của bị đơn theo khoản 4 hoặc khoản 5, trọng tài có thể phán quyết cho bên thắng kiện được hưởng chi phí và phí luật sư hợp lý phát sinh trong việc trình hoặc bác bỏ phản đối đó nếu cần thiết. Trong

việc xác định phán quyết này có cần thiết hay không, trọng tài sẽ xem xét khiếu kiện của nguyên đơn hay phản đối của bị đơn là vô giá trị, và sẽ dành cho các bên tranh chấp cơ hội hợp lý để trình bày ý kiến.

7. Để rõ nghĩa hơn, nếu nhà đầu tư của một Bên trình khiếu kiện theo Mục này, bao gồm khiếu kiện cáo buộc một Bên vi phạm Điều 9.6 (Tiêu chuẩn Đối xử Tối thiểu), nhà đầu tư chịu trách nhiệm chứng minh toàn bộ nội dung khiếu kiện của mình phù hợp với nguyên tắc chung của luật quốc tế áp dụng đối với trọng tài quốc tế.

8. Bị đơn sẽ không biện hộ, kiện ngược, sử dụng quyền giảm trừ hoặc bất kỳ lý do khác dựa trên cơ sở nguyên đơn đã nhận hoặc sẽ nhận tiền bồi hoàn hay các khoản bồi thường khác đối với toàn bộ hoặc một phần thiệt hại bị cáo buộc theo hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo lãnh.

9. Trọng tài có thể ra lệnh áp dụng biện pháp tạm thời để bảo vệ quyền của một bên tranh chấp, hoặc để bảo đảm quyền tài phán của trọng tài được thực hiện đầy đủ hiệu quả, bao gồm lệnh bảo quản chứng cứ thuộc sở hữu hay kiểm soát của một bên tranh chấp hoặc để bảo vệ quyền tài phán của trọng tài. Trọng tài không được ra lệnh tịch biên hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp bị coi là tạo ra vi phạm nêu tại Điều 9.19 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài). Tại khoản này, lệnh sẽ bao gồm khuyến nghị.

10. Tại bất kỳ trọng tài nào được tiến hành theo Mục này, theo yêu cầu của một bên tranh chấp, trước khi đưa ra quyết định hay phán quyết về trách nhiệm, trọng tài phải gửi dự thảo quyết định hay phán quyết cho các bên tranh chấp. Trong vòng 60 ngày sau khi trọng tài gửi dự thảo quyết định hay phán quyết, các bên tranh chấp có thể đưa ra bình luận bằng văn bản đến trọng tài liên quan đến bất kỳ nội dung nào của dự thảo quyết định hay phán quyết. Trọng tài sẽ xem xét các bình luận đó và ra quyết định hay phán quyết không chậm hơn 45 ngày sau khi kết thúc thời hạn 60 ngày để bình luận.

11. Trong trường hợp cơ chế phúc thẩm để đánh giá các phán quyết của trọng tài giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư được phát triển trong tương lai theo các thiết chế khác, các Bên sẽ xem xét về việc phán quyết ban hành theo Điều 9.29 (Phán quyết) có cần tuân theo cơ chế phúc thẩm đó không. Các Bên sẽ cố gắng đảm bảo rằng cơ chế phúc thẩm như vậy được xem xét ban hành sẽ quy định về minh bạch hoá thủ tục tố tụng tương tự quy định về minh bạch hoá thiết lập tại Điều 9.24 (Minh bạch Thủ tục Trọng tài).

Điều 9.24: Minh bạch Thủ tục Trọng tài

1. Căn cứ các khoản 2 và 4, bị đơn sẽ chuyển ngay lập tức cho các Bên không tranh chấp và công bố cho công chúng tiếp cận, sau khi nhận được các tài liệu sau:

- (a) thông báo ý định;
- (b) thông báo trọng tài;
- (c) cáo buộc, biện hộ, ý kiến, bản tóm tắt của một bên tranh chấp trình ra trọng tài và bất kỳ các trình báo bằng văn bản thực hiện theo Điều 9.23.2 (Điều hành của Trọng tài) và 9.23.3 và Điều 9.28 (Nhập vụ kiện);
- (d) biên bản hoặc bản ghi lại các trao đổi tại phiên tòa của trọng tài, nếu có; và
- (e) lệnh, phán quyết và quyết định của trọng tài.

2. Trọng tài sẽ tiến hành phiên tòa công khai và quyết định công tác chuẩn bị thích hợp trên cơ sở tham vấn với các bên tranh chấp. Nếu một bên tranh chấp dự định sử dụng thông tin tại phiên tòa mà được xác định là thông tin bảo mật hoặc thông tin theo quy định tại khoản 3 sẽ thông báo cho trọng tài. Trọng tài sẽ thu xếp cần thiết để bảo vệ thông tin đó không bị tiết lộ, có thể bao gồm việc đóng phiên tòa trong thời gian thảo luận thông tin đó.

3. Không có quy định nào trong Mục này, bao gồm khoản 4(d), yêu cầu bị đơn phải công bố cho công chúng tiếp cận hoặc tiết lộ bằng cách khác thông tin bảo mật trong hoặc sau thủ tục trọng tài, bao gồm thời gian diễn ra phiên tòa, hoặc phải cung cấp hay cho phép tiếp cận thông tin có thể được lưu giữ phù hợp với Điều 29.2 (Ngoại lệ An ninh) hoặc Điều 29.7 (Tiết lộ Thông tin).³³

4. Bất kỳ thông tin bảo mật nào trình ra trọng tài sẽ được bảo vệ không bị tiết lộ theo thủ tục sau:

- (a) căn cứ vào điểm (d), các bên tranh chấp hoặc trọng tài không được tiết lộ cho Bên không tranh chấp hoặc công chúng bất kỳ thông tin bảo mật nào nếu bên tranh chấp cung cấp thông tin xác định rõ thông tin đó phù hợp với đoạn (b);

³³ Để rõ nghĩa hơn, khi bị đơn lựa chọn tiết lộ cho trọng tài thông tin có thể lưu giữ phù hợp với Điều 29.2 (Ngoại lệ An ninh) hoặc Điều 29.7 (Tiết lộ Thông tin), bị đơn vẫn có thể lưu giữ thông tin đó cho công chúng.

- (b) bất kỳ bên tranh chấp nào cho rằng một thông tin nhất định tạo thành thông tin bảo mật sẽ phải xác định rõ thông tin đó theo thời gian do trọng tài quyết định;
- (c) căn cứ thời gian do trọng tài quyết định, một bên tranh chấp sẽ trình bản biên tập lại của tài liệu không có thông tin bảo mật. Chỉ bản biên tập lại được công bố phù hợp với quy định tại khoản 1; và
- (d) căn cứ khoản 3, trọng tài sẽ quyết định đối với bất kỳ phản đối nào liên quan đến việc xác định thông tin được cho là thông tin bảo mật. Nếu trọng tài quyết định thông tin đó không được xác định đúng, bên tranh chấp trình thông tin đó có thể:
 - (i) rút lại toàn bộ hoặc một phần bản trình có thông tin đó, hoặc
 - (ii) đồng ý trình lại toàn bộ tài liệu được biên tập lại trên cơ sở xác định rõ thông tin bảo mật phù hợp với quyết định của trọng tài và đoạn (c).

Trong cả hai trường hợp, khi cần thiết, bên tranh chấp khác, sẽ trình lại toàn bộ tài liệu được biên tập lại, trong đó loại bỏ thông tin đã được bên tranh chấp trình thông tin đó đầu tiên đó rút lại theo đoạn (d) (i) hoặc xác định lại thông tin bảo mật của bên tranh chấp đã trình thông tin đó đầu tiên phù hợp với việc xác định thông tin theo đoạn (d)(ii).

5. Không có quy định nào tại Mục này yêu cầu bị đơn không được tiết lộ cho công chúng những thông tin phải công bố theo pháp luật của mình. Bị đơn sẽ cố gắng áp dụng quy định pháp luật một cách phù hợp để bảo vệ không tiết lộ những thông tin đã được xác định là thông tin bảo mật.

Điều 9.25: Luật áp dụng

1. Căn cứ vào khoản 3, khi khiếu kiện được trình theo Điều 9.19(1)(a)(i)(A) (Trình Khiếu kiện ra trọng tài) hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(A), trọng tài sẽ quyết định vấn đề tranh chấp phù hợp với Hiệp định và các nguyên tắc của luật quốc tế được áp dụng³⁴.

2. Căn cứ vào khoản 3 và các quy định khác của Mục này, khi khiếu kiện được trình theo Điều 9.19(1)(a)(i)(B) (Trình khiếu kiện ra Trọng tài), Điều

³⁴ Để rõ nghĩa hơn, quy định này không ảnh hưởng tới bất cứ việc xem xét luật trong nước của bị đơn trong trường hợp liên quan đến khiếu kiện với tính chất là vấn đề thực tế.

9.19(1)(a)(i)(C), Điều 9.19(1)(b)(i)(B) hay Điều 9.19(1)(b)(i)(C), trọng tài sẽ áp dụng:

- (a) các nguyên tắc của luật áp dụng đối với chấp thuận đầu tư liên quan hoặc được nêu cụ thể tại chấp thuận đầu tư hoặc hợp đồng đầu tư liên quan, hoặc theo thoả thuận khác của các bên tranh chấp; hoặc
- (b) nếu trong hợp đồng đầu tư liên quan, nguyên tắc của luật không được nêu cụ thể hoặc có thoả thuận khác:
 - (i) luật của bị đơn, bao gồm nguyên tắc về xung đột pháp luật;³⁵ và
 - (ii) các nguyên tắc của luật quốc tế có thể được áp dụng.

3. Quyết định của Ủy ban về việc giải thích quy định của Hiệp định này theo Điều 27.2.2(f) (Chức năng của Ủy ban) có giá trị bắt buộc đối với trọng tài, và bất cứ quyết định hay phán quyết nào của trọng tài sẽ phải phù hợp với quyết định đó.

Điều 9.26: Giải thích các Phụ lục

1. Nếu bị đơn biện hộ rằng biện pháp bị cáo buộc thuộc phạm vi các biện pháp không tương thích quy định tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II, theo đề nghị của bị đơn, trọng tài sẽ đề nghị Ủy ban giải thích về vấn đề đó. Ủy ban sẽ trình ra trọng tài bằng văn bản các quyết định của mình về việc giải thích theo Điều 27.2.2(f) (Chức năng của Ủy ban) trong vòng 90 ngày kể từ ngày có yêu cầu.

2. Quyết định do Ủy ban ban hành theo khoản 1 có giá trị bắt buộc đối với trọng tài, và bất cứ quyết định hay phán quyết nào của trọng tài phải phù hợp với quyết định đó. Nếu Ủy ban không ban hành quyết định như vậy trong thời hạn 90 ngày, trọng tài sẽ quyết định vấn đề đó.

Điều 9.27: Báo cáo chuyên gia

Không ảnh hưởng đến việc chỉ định chuyên gia khác theo ủy quyền tại quy tắc trọng tài được áp dụng, trên cơ sở đề nghị của một bên tranh chấp hoặc, trừ phi các bên tranh chấp không tán thành, theo sáng kiến của mình, trọng tài có thể chỉ

³⁵ “Luật của bị đơn” nghĩa là luật mà tòa án hoặc trọng tài trong nước có quyền tài phán sẽ áp dụng trong cùng trường hợp. Để rõ nghĩa hơn, luật của bị đơn bao gồm luật liên quan điều chỉnh về hợp đồng đầu tư, bao gồm luật về thiệt hại, biện pháp khắc phục, quyền lợi và nguyên tắc áp dụng nhất quán.

định một hoặc nhiều chuyên gia báo cáo bằng văn bản các vấn đề thực tế liên quan đến lĩnh vực khoa học do một bên tranh chấp đưa ra trong quá trình tố tụng, căn cứ vào các điều khoản và điều kiện mà các bên tranh chấp thống nhất.

Điều 9.28: Hợp nhất vụ kiện

1. Nếu hai hay nhiều khiếu kiện được trình độ lập ra trọng tài theo Điều 9.19(1) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) và các khiếu kiện đó có cùng vấn đề về pháp luật hoặc thực tế và phát sinh từ cùng sự kiện hoặc tình huống, bất kỳ bên tranh chấp nào đều có thể yêu cầu lệnh hợp nhất các vụ kiện phù hợp với thỏa thuận của tất cả các bên tranh chấp mong muốn giải quyết vụ kiện theo lệnh hợp nhất đó hoặc theo quy định từ khoản 2 đến khoản 10.

2. Bên tranh chấp yêu cầu lệnh hợp nhất vụ kiện theo Điều này sẽ gửi yêu cầu bằng văn bản cho Tổng Thư ký và tất cả các bên tranh chấp mong muốn giải quyết theo lệnh hợp nhất vụ kiện đó và nêu cụ thể trong yêu cầu:

- (a) tên và địa chỉ của tất cả các bên tranh chấp mong muốn giải quyết theo lệnh hợp nhất;
- (b) nội dung lệnh hợp nhất; và
- (c) cơ sở yêu cầu lệnh hợp nhất.

3. Trừ khi Tổng Thư ký nhận thấy trong vòng 30 ngày sau ngày nhận được yêu cầu theo khoản 2 rằng yêu cầu đó không có cơ sở rõ ràng, trọng tài sẽ được thành lập theo Điều này.

4. Trừ khi tất cả các bên tranh chấp mong muốn giải quyết theo lệnh hợp nhất có thỏa thuận khác, trọng tài thành lập theo Điều này bao gồm ba trọng tài:

- (a) một trọng tài do các nguyên đơn thống nhất chỉ định;
- (b) một trọng tài do bị đơn chỉ định; và
- (c) trọng tài chủ tọa sẽ do Tổng Thư ký chỉ định, với điều kiện trọng tài chủ tọa không phải là công dân của bị đơn hoặc của một Bên là quốc gia của bất kỳ nguyên đơn nào.

5. Nếu, trong vòng 60 ngày kể từ ngày Tổng Thư ký nhận được yêu cầu theo khoản 2, bị đơn hay nguyên đơn không chỉ định được trọng tài phù hợp với khoản 4, Tổng Thư ký sẽ chỉ định trọng tài hoặc các trọng tài chưa được chỉ

định theo quyết định của mình trên cơ sở đề nghị của bất cứ bên tranh chấp nào mong muốn giải quyết theo lệnh hợp nhất.

6. Nếu trọng tài được thành lập theo Điều này thoả mãn yêu cầu hai hay nhiều khiếu kiện trình ra trọng tài theo Điều 9.19(1) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) có cùng vấn đề về pháp luật hoặc thực tế và phát sinh từ cùng sự kiện hoặc tình huống, vì mục đích giải quyết khiếu nại công bằng, hiệu quả và sau khi nghe ý kiến các bên tranh chấp, trọng tài có thể ra lệnh:

(a) đảm nhận quyền tài phán, nghe và quyết định đồng thời toàn bộ hoặc một phần các khiếu kiện;

(b) đảm nhận quyền tài phán, nghe và quyết định một hoặc nhiều khiếu kiện, quyết định mà trọng tài cho rằng sẽ hỗ trợ trong việc giải quyết những trường hợp khác; hoặc

(c) hướng dẫn trọng tài được thành lập trước đó theo Điều 9.22 (Lựa chọn Trọng tài) đảm nhận quyền tài phán, nghe và quyết định đồng thời toàn bộ hoặc một phần các khiếu kiện, với điều kiện:

(i) trọng tài đó, theo đề nghị của nguyên đơn mà trước đó không phải là một bên tranh chấp tại trọng tài này, sẽ được thành lập lại với các thành viên ban đầu, trừ trường hợp trọng tài của nguyên đơn phải được chỉ định theo khoản 4(a) và 5; và

(ii) trọng tài đó sẽ quyết định có mở lại phiên tòa trước đó không.

7. Nếu trọng tài đã được thành lập theo Điều này, nguyên đơn đã trình khiếu kiện ra trọng tài theo Điều 9.19.1 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) và chưa được nêu trong yêu cầu theo khoản 2 có thể yêu cầu bằng văn bản với trọng tài về việc được giải quyết tại lệnh hợp nhất theo khoản 6. Yêu cầu đó phải nêu cụ thể:

(a) tên và địa chỉ của nguyên đơn;

(b) nội dung lệnh hợp nhất; và

(c) cơ sở yêu cầu lệnh hợp nhất.

Nguyên đơn sẽ gửi một bản yêu cầu cho Tổng Thư ký.

8. Trọng tài thành lập theo Điều này sẽ tiến hành thủ tục tố tụng phù hợp với Quy tắc trọng tài UNCITRAL, trừ trường hợp được sửa đổi tại Mục này.

9. Trọng tài thành lập theo Điều 9.22 (Lựa chọn Trọng tài) không có quyền tài phán để quyết định khiếu kiện hoặc một phần khiếu kiện, mà trọng tài thành lập hoặc hướng dẫn theo Điều này đã đảm nhận quyền tài phán.

10. Trên cơ sở đơn của một bên tranh chấp, trọng tài thành lập theo Điều này, khi chưa ra quyết định theo khoản 6, có thể ra lệnh tạm dừng hoạt động tố tụng của trọng tài thành lập theo Điều 9.22 (Lựa chọn Trọng tài), trừ trường hợp trọng tài đó đã dừng hoạt động tố tụng.

Điều 9.29: Phán quyết

1. Khi đưa ra phán quyết cuối cùng, trọng tài có thể phán quyết độc lập hoặc kết hợp, chỉ với:

(a) thiệt hại bằng tiền và lãi xuất áp dụng; và

(b) hoàn trả tài sản, trong trường hợp này phán quyết sẽ quy định bị đơn có thể thanh toán thiệt hại bằng tiền và lãi xuất áp dụng thay cho việc hoàn trả.

2. Để rõ nghĩa hơn, nếu nhà đầu tư của một Bên trình khiếu kiện ra trọng tài theo Điều 9.19.1(a)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), nhà đầu tư chỉ có thể yêu cầu bồi hoàn đối với thiệt hại hoặc tổn thất đã phát sinh trong phạm vi của nhà đầu tư của một Bên.

3. Trọng tài cũng có thể phán quyết về chi phí và phí luật sư mà các bên tranh chấp phải gánh chịu liên quan đến thủ tục trọng tài và sẽ quyết định phương thức và đối tượng được thanh toán chi phí và phí luật sư đó phù hợp với Mục này và các nguyên tắc trọng tài được áp dụng.

4. Để rõ nghĩa hơn, đối với những khiếu kiện cáo buộc vi phạm nghĩa vụ theo Mục A liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư, khi phán quyết được ban hành có lợi cho nguyên đơn, chỉ những thiệt hại có thể được phán quyết là thiệt hại mà nguyên đơn chứng minh được phải gánh chịu trong việc chuẩn bị đầu tư, với điều kiện nguyên đơn cũng phải chứng minh rằng vi phạm đó là nguyên nhân cơ bản của thiệt hại. Nếu trọng tài quyết định khiếu kiện đó là vô giá trị, trọng tài có thể phán quyết dành cho bị đơn hưởng chi phí và phí luật sư hợp lý.

5. Căn cứ khoản 1, nếu khiếu kiện được trình ra trọng tài theo Điều 9.19.1(b)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) và phán quyết được ban hành có lợi cho doanh nghiệp:

- (a) phán quyết về hoàn trả tài sản sẽ quy định việc hoàn trả đó cho doanh nghiệp;
 - (b) phán quyết về thiệt hại bằng tiền và lãi xuất áp dụng sẽ quy định tổng số tiền phải trả cho doanh nghiệp; và
 - (c) phán quyết sẽ quy định rằng việc thực hiện phán quyết không phương hại đến bất cứ quyền mà tổ chức, cá nhân có theo luật trong nước áp dụng đối với biện pháp khắc phục quy định tại phán quyết.
6. Trọng tài không phán quyết về bồi thường mang tính trừng phạt.
7. Phán quyết do trọng tài thực hiện không có hiệu lực bắt buộc ngoại trừ giữa các bên tranh chấp và theo các trường hợp cụ thể.
8. Căn cứ khoản 9 và thủ tục thẩm tra đối với phán quyết tạm thời được áp dụng, bên tranh chấp sẽ tuân thủ và chấp hành phán quyết không chậm trễ.
9. Một bên tranh chấp không yêu cầu thực thi phán quyết cuối cùng cho đến khi:
- (a) trường hợp phán quyết cuối cùng theo Công ước ICSID:
 - (i) sau 120 ngày kể từ ngày ra phán quyết và không bên tranh chấp nào đề nghị sửa đổi hay hủy bỏ phán quyết; hoặc
 - (ii) thủ tục sửa đổi hay hủy bỏ đã hoàn tất; và
 - (b) trường hợp phán quyết cuối cùng theo Cơ chế Phụ trợ ICSID, Quy tắc Trọng tài UNCITRAL, hoặc các quy tắc được lựa chọn theo Điều 9.19(4)(d)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài):
 - (i) sau 90 ngày kể từ ngày ra phán quyết và không bên tranh chấp nào khởi động thủ tục sửa đổi, đình chỉ hoặc hủy bỏ phán quyết; hoặc
 - (ii) toà án đã bác bỏ hoặc cho phép gửi đơn sửa đổi, đình chỉ hay hủy bỏ phán quyết và không có yêu cầu xét lại.
10. Mỗi Bên sẽ tổ chức thực thi phán quyết trên lãnh thổ của mình.
11. Nếu bị đơn không tuân thủ hoặc chấp hành phán quyết cuối cùng, khi nhận được yêu cầu của Bên là quốc gia của nguyên đơn, Hội đồng trọng tài sẽ

được thành lập theo Điều 28.7 (Thành lập Hội đồng trọng tài). Bên yêu cầu có thể tìm kiếm trong thủ tục tố tụng đó:

- (a) quyết định về việc không tuân thủ hay chấp hành phán quyết cuối cùng là trái với các nghĩa vụ của Hiệp định này; và
- (b) phù hợp với Điều 28.17 (Báo cáo Ban đầu), khuyến nghị về việc bị đơn phải tuân thủ hay chấp hành phán quyết cuối cùng.

12. Một bên tranh chấp có thể yêu cầu bảo đảm thi hành phán quyết trọng tài theo Công ước ICSID, Công ước New York, hoặc Công ước liên Châu Mỹ cho dù có hay không thực hiện các thủ tục theo khoản 11.

13. Một khiếu kiện được trình ra trọng tài theo Mục này được coi là phát sinh từ quan hệ hay giao dịch thương mại nhằm mục đích của Điều I Công ước New York và Điều I của Công ước liên Châu Mỹ.

Điều 9.30: Tiếp nhận tài liệu khiếu kiện

Việc chuyển thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác cho một Bên được thực hiện tại địa điểm xác định cho Bên đó tại Phụ lục 9-D (Tiếp nhận tài liệu khiếu kiện tại một Bên theo Mục B). Mỗi Bên sẽ công bố và thông báo không chậm trễ cho các Bên khác bất cứ thay đổi nào về địa điểm nêu tại Phụ lục đó.

Phụ lục 9-A

Luật Tập quán Quốc tế

Các Bên xác nhận cách hiểu chung rằng “luật tập quán quốc tế” nói chung và dẫn chiếu cụ thể tại Điều 9.6 (Tiêu chuẩn Đối xử Tối thiểu) được hình thành từ thực tiễn chung và nhất quán mà các Quốc gia tuân theo dựa trên nghĩa vụ pháp lý. Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu của luật tập quán quốc tế đối với người nước ngoài dẫn chiếu đến tất cả nguyên tắc luật tập quán quốc tế bảo vệ đầu tư của người nước ngoài.

Phụ lục 9-B

Tước quyền sở hữu

Các Bên xác nhận cách hiểu chung rằng:

1. Một hành động hoặc một loạt hành động của một Bên không tạo ra việc tước quyền sở hữu trừ trường hợp tác động đến quyền sở hữu tài sản hữu hình hoặc vô hình hoặc lợi ích tài sản của đầu tư.
2. Điều 9.8.1 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) quy định hai tình huống. Tình huống thứ nhất là tước quyền sở hữu trực tiếp, trong đó đầu tư bị quốc hữu hoá hoặc bị tước quyền sở hữu trực tiếp bằng cách khác thông qua việc chuyển giao chính thức quyền sở hữu hoặc tước đoạt hoàn toàn.
3. Tình huống thứ hai quy định tại Điều 9.8.1 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) là tước quyền sở hữu gián tiếp, trong đó một hành động hoặc một loạt hành động của một Bên có tác dụng như tước quyền sở hữu trực tiếp mà không có việc chuyển giao chính thức quyền sở hữu hoặc tước đoạt hoàn toàn.
 - (a) Việc xác định một hành động hoặc một loạt hành động của một Bên, trong tình huống thực tế cụ thể có tạo ra tước quyền sở hữu gián tiếp không, cần đánh giá theo từng trường hợp cụ thể, dựa trên thực tế, trong đó xem xét các yếu tố khác cùng với:
 - (i) tác động kinh tế do hành động của chính phủ, mặc dù thực tế một hành động hoặc một loạt hành động của một Bên có ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị kinh tế của đầu tư, một mình nó không đủ cơ sở để xác định việc tước quyền sở hữu gián tiếp đã xảy ra;
 - (ii) mức độ mà hành động của chính phủ tác động vào kỳ vọng đầu tư hợp lý, rõ ràng;³⁶ và
 - (ii) đặc điểm hành động của chính phủ.
 - (b) các hoạt động quản lý không phân biệt đối xử của một Bên được thiết kế và áp dụng nhằm bảo vệ các mục tiêu phúc lợi công cộng

³⁶ Để rõ nghĩa hơn, kỳ vọng đầu tư của nhà đầu tư hợp lý hay không phụ thuộc vào các yếu tố, trong phạm vi liên quan, như chính phủ có dành cho nhà đầu tư bảo đảm bằng văn bản có giá trị bắt buộc không, và đặc tính và mức độ của quy định quản lý hay khả năng điều chỉnh của chính phủ trong lĩnh vực liên quan.

hợp pháp, như sức khỏe cộng đồng,³⁷ an toàn và môi trường, không tạo ra tước quyền sở hữu gián tiếp, trừ trường hợp hãn hữu.

³⁷ Để rõ nghĩa hơn và không hạn chế phạm vi của khoản này, các hoạt động quản lý để bảo vệ sức khỏe cộng đồng bao gồm trong đó các biện pháp liên quan đến việc điều chỉnh, định giá và cung cấp, và hoàn trả đối với dược phẩm (bao gồm sản phẩm sinh học), dụng cụ y học, vắc-xin, thiết bị y tế, liệu pháp và công nghệ gen, thiết bị và hỗ trợ liên quan đến sức khỏe, máu và sản phẩm liên quan đến máu.

Phụ lục 9-C

Tước quyền sở hữu liên quan đến đất đai

1. Mặc dù có nghĩa vụ tại Điều 9.8 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường), trong trường hợp Singapore là Bên tước quyền sở hữu, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu trực tiếp liên quan đến đất đai sẽ nhằm mục đích và thanh toán bồi thường theo giá thị trường, phù hợp với pháp luật trong nước được áp dụng³⁸ và bất kỳ thay đổi nào sau đó liên quan đến khoản bồi thường khi việc sửa đổi đó quy định phương pháp xác định bồi thường không kém thuận lợi hơn cho nhà đầu tư đối với đầu tư bị tước đoạt so với phương pháp xác định bồi thường theo pháp luật trong nước được áp dụng tại thời điểm có hiệu lực của Hiệp định này đối với Singapore.

2. Mặc dù có nghĩa vụ tại Điều 9.8 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường), trong trường hợp Việt Nam là Bên tước quyền sở hữu, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu trực tiếp liên quan đến đất đai sẽ (i) nhằm mục đích phù hợp với pháp luật trong nước được áp dụng,³⁹ và (ii) bồi thường tương đương giá thị trường, có thừa nhận pháp luật trong nước được áp dụng.

³⁸ Pháp luật trong nước được áp dụng là *Luật Thu hồi đất* (Chương 152) vào ngày có hiệu lực của Hiệp định này với Singapore.

³⁹ Pháp luật trong nước được áp dụng là Luật Đất đai của Việt Nam, Luật số 45/2013/QH13 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP quy định giá đất, vào ngày có hiệu lực của Hiệp định này với Việt Nam.

Phụ lục 9-D

Tiếp nhận tài liệu khiếu kiện tại một Bên theo Mục B (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư)

Australia

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Australia tiếp nhận tại:

Bộ Ngoại giao và Thương mại
Tòa nhà R.G. Casey
John McEwen Crescent
Barton ACT 0221
Australia

Brunei Darussalam

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Brunei Darussalam tiếp nhận tại:

Thư ký Thường trực (Thương mại)
Bộ Ngoại giao và Thương mại
JalanSubok
Bandar Seri Begawan, BD 2710
Brunei Darussalam

Canada

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Canada tiếp nhận tại:

Văn phòng Phó Tổng Chương lý của Canada
Toà nhà Tư pháp
239 Phố Wellington
Ottawa, Ontario
K1A 0H8

Chile

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Chi Lê tiếp nhận tại:

Vụ trưởng Pháp luật Bộ Ngoại giao Cộng hòa Chi Lê
Teatinos 180
Santiago
Chile

Nhật Bản

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Nhật Bản tiếp nhận tại:

Ban các vấn đề Kinh tế
Bộ Ngoại giao
2-2-1 Kasumigaseki, Chiyoda-ku
Tokyo
Nhật Bản

Malaysia

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Malaysia tiếp nhận tại:

Cơ quan Tổng Chương lý
Số 45, Tầng 16, Persiaran Perdana
Phường 4
Trung tâm hành chính Chính phủ Liên bang
62100 Putrajaya
Malaysia

Mexico

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Mexico tiếp nhận tại:

Vụ trưởng Tư vấn Pháp lý về thương mại quốc tế
Alfonso Reyes #30, tầng 17
Col. Hipodromo Condesa
Del. Cuauhtemoc
Mexico D.F.
C.P. 06140

New Zealand

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được New Zealand tiếp nhận tại:

Thư ký
Bộ Ngoại giao và Thương mại
195 Lambton Quay
Hòm thư 18 901
Wellington
New Zealand

Peru

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Peru tiếp nhận tại:

Vụ trưởng các vấn đề Kinh tế Quốc tế, Cạnh tranh và sản xuất
Bộ Kinh tế và Tài chính
Jirón Lampa 277, tầng 5
Lima, Peru

Singapore

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Singapore tiếp nhận tại:

Thư ký Thường trực
Bộ Thương mại và Công nghiệp
100 High Street #09-01
Singapore 179434
Singapore

Hoa Kỳ

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Hoa Kỳ tiếp nhận tại:

Giám đốc điều hành (L/EX)
Văn phòng Tư vấn Pháp lý

Bộ Ngoại giao
Washington, D.C. 20520
Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Viet Nam

Thông báo và các tài liệu khiếu kiện khác trong tranh chấp theo Mục B sẽ được Việt Nam tiếp nhận tại:

Vụ trưởng
Vụ Pháp luật quốc tế
Bộ Tư pháp
60 Phố Trần Phú
Quận Ba Đình
Hà Nội
Việt Nam

Phụ lục 9-E⁴⁰

Chuyển tiền

Chi Lê

1. Không ảnh hưởng đến Điều 9.9 (Chuyển tiền), Chi Lê bảo lưu quyền của Ngân hàng Trung ương (Banco Central de Chile) trong việc duy trì hoặc ban hành các biện pháp phù hợp với Luật 18.840, Luật tổ chức của Ngân hàng Trung ương Chi Lê (Ley 18.840, Ley Orgánica Constitucional del Banco Central de Chile), và Nghị định số 3 năm 1997 (Decreto con Fuerza de ley No. 3 de 1997), Luật Ngân hàng Chung (Ley General de Bancos) và Luật Thị trường chứng khoán (Ley 18.045, Ley de Mercado de Valores), để bảo đảm ổn định tiền tệ và hoạt động bình thường của các khoản thanh toán trong và ngoài nước. Những biện pháp này bao gồm, trong đó, việc tạo ra hạn chế hoặc giới hạn thanh toán vãng lai và chuyển tiền (chuyển vốn) vào hoặc ra khỏi Chi Lê, cũng như các giao dịch liên quan như yêu cầu đặt cọc, đầu tư hoặc tín dụng vào hoặc ra nước ngoài phải thực hiện dự trữ bắt buộc (encaje).

2. Không ảnh hưởng đến khoản 1, dự trữ bắt buộc mà Ngân hàng Trung ương Chi Lê có thể áp dụng theo Điều 49 Số 2 Luật 18.840, sẽ không vượt quá 30% số tiền được chuyển và không được áp dụng trong thời hạn vượt quá hai năm.

⁴⁰ Để rõ nghĩa hơn, Phụ lục này áp dụng đối với các khoản chuyển tiền quy định tại Điều 9.9 (Chuyển tiền) và thanh toán và chuyển tiền quy định tại Điều 10.12 (Thanh toán và Chuyển tiền).

Phụ lục 9-F

DL 600

Chi Lê

1. Nghĩa vụ và cam kết trong Chương này không áp dụng đối với Nghị định của Luật 600, Quy chế đầu tư nước ngoài (Decreto Ley 600, Estatuto de la Inversión Extranjera) (sau đây được dẫn chiếu trong Phụ lục này là văn bản “DL 600”), hoặc văn bản thay thế và Luật 18.657, Luật Quỹ đầu tư vốn nước ngoài (Ley 18.657, Ley de Fondos de Inversión de Capital Extranjero), liên quan đến:

(a) Quyền của Ủy ban Đầu tư nước ngoài Chi Lê (Comité de Inversión Extranjera) hoặc cơ quan kế nhiệm chấp nhận hoặc từ chối đơn đầu tư thông qua các hợp đồng đầu tư theo văn bản DL 600⁴¹ và quyền điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của đầu tư nước ngoài theo văn bản DL 600 và Luật 18.657.

(b) Quyền duy trì các yêu cầu hiện hành về việc chuyển từ Chi Lê các khoản thu từ bán toàn bộ hoặc bất kỳ phần đầu tư nào của nhà đầu tư của một Bên hoặc từ thanh lý một phần hoặc toàn bộ đầu tư mà có thể không thực hiện trong thời gian không quá:

(i) 01 năm kể từ ngày chuyển tiền vào Chi Lê, trong trường hợp đầu tư thực hiện theo văn bản DL 600; hoặc

(ii) 05 năm kể từ ngày chuyển tiền vào Chi Lê, trong trường hợp đầu tư thực hiện theo Luật 18.657⁴²;

(c) Quyền ban hành các biện pháp, phù hợp với Phụ lục này, để thiết lập các chương trình đầu tư tự nguyện đặc biệt trong tương lai ngoài cơ chế chung về đầu tư nước ngoài tại Chi Lê, trừ trường hợp các biện pháp đó có thể hạn chế việc chuyển tiền từ Chi Lê thu nhập từ bán toàn bộ hoặc một phần đầu tư của nhà đầu tư của Bên khác hoặc từ thanh lý một phần hoặc toàn bộ đầu tư trong thời hạn không quá 05 năm, kể từ ngày chuyển tiền vào Chi Lê.

⁴¹ Việc chấp thuận và thực hiện hợp đồng đầu tư theo văn bản DL 600 với nhà đầu tư của một Bên hoặc đầu tư theo Hiệp định này không tạo ra bất kỳ quyền nào cho nhà đầu tư hoặc đầu tư theo Hiệp định này để tham gia vào các hoạt động cụ thể tại Chi Lê.

⁴² Luật 18.657 đã được điều chỉnh ngày 1/5/2014 bởi Luật 20.712. Yêu cầu về việc chuyển vốn được thiết lập theo điểm (b)(ii) chỉ được áp dụng đối với đầu tư thực hiện theo Luật 18.657 trước ngày 1/5/2014 và không áp dụng đối với đầu tư thực hiện theo Luật 20.712.

2. Để rõ nghĩa hơn, trừ trường hợp khoản 1(b) hoặc (c) quy định ngoại lệ của Điều 9.9 (Chuyển tiền), đầu tư thực hiện thông qua hợp đồng đầu tư theo văn bản DL 600, thông qua Luật 18.657 hoặc thông qua bất cứ chương trình đầu tư tự nguyện đặc biệt trong tương lai sẽ phải tuân thủ nghĩa vụ và cam kết của Chương này, trong phạm vi khoản đầu tư đó là đầu tư theo Hiệp định này được quy định tại Chương 9 (Đầu tư).

Phụ lục 9-G

Nợ công

1. Các Bên thừa nhận việc mua nợ do một Bên phát hành có rủi ro thương mại. Để rõ nghĩa hơn, không phán quyết nào được ban hành có lợi cho nguyên đơn đối với khiếu kiện theo Điều 9.19.1(a)(i)(A) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) hoặc Điều 9.19.1(b)(i)(A) liên quan đến việc không trả nợ hoặc không thanh toán nợ do một Bên phát hành trừ khi nguyên đơn đáp ứng được yêu cầu chứng minh việc không trả nợ hoặc không thanh toán nợ tạo ra vi phạm nghĩa vụ quy định tại Mục A, bao gồm cả tước quyền quyền sở hữu không bồi thường theo Điều 9.8 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường).

2. Không khiếu kiện nào về việc tái cấu trúc nợ do một Bên phát hành vi phạm nghĩa vụ tại Mục A được trình ra trọng tài, hoặc nếu đã trình thì không được tiếp tục tại trọng tài theo Mục B nếu việc tái cấu trúc đó được thoả thuận tại thời điểm trình khiếu kiện, hoặc sau thời điểm trình khiếu kiện, trừ trường hợp khiếu kiện việc tái cấu trúc vi phạm Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) hoặc Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc).

3. Mặc dù có Điều 9.19.4 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), và căn cứ khoản 2, nhà đầu tư của Bên khác không được trình khiếu kiện theo Mục B về việc tái cấu trúc nợ do một Bên phát hành vi phạm nghĩa vụ tại Mục A, ngoại trừ nghĩa vụ tại Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) hoặc Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), trừ khi đã qua thời hạn 270 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản theo Điều 9.18.2 (Tham vấn và Thương lượng).⁴³

⁴³ Khoản 2 và 3 Phụ lục này không áp dụng cho bất kỳ các khiếu kiện nào theo Mục B đối với Singapore hoặc Hoa Kỳ.

Phụ lục 9-H

1. Quyết định theo chính sách đầu tư nước ngoài của Australia, bao gồm Luật Mua bán và Tiếp nhận Đầu tư nước ngoài năm 1975, Quy tắc Mua bán và Tiếp nhận đầu tư nước ngoài năm 1989, Luật về Lĩnh vực Tài chính (cổ phần) năm 1998 và các Tuyên bố liên quan của Bộ trưởng Ngân khố Australia hoặc Bộ trưởng được ủy quyền về việc chấp thuận hay không chấp thuận đề xuất đầu tư nước ngoài, không thuộc đối tượng áp dụng của quy định về giải quyết tranh chấp theo Mục B (Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư) hoặc Chương 28 (Giải quyết Tranh chấp).
2. Quyết định của Canada sau khi thẩm tra theo Luật Đầu tư (R.S.C. 1985, c.28 (1st Supp.)), liên quan đến việc có hay không cho phép thực hiện đối với đầu tư phải tiến hành thẩm tra, không thuộc đối tượng áp dụng của quy định về giải quyết tranh chấp tại Mục B (Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư) hoặc Chương 28 (Giải quyết Tranh chấp).
3. Quyết định của Ủy ban quốc gia về Đầu tư Nước ngoài (*Comisión Nacional de Inversiones Extranjeras*) sau khi thẩm tra theo các nội dung tại Phụ lục I của Mexico, liên quan đến việc có hay không cho phép thực hiện đối với đầu tư phải tiến hành thẩm tra, không thuộc đối tượng áp dụng của quy định về giải quyết tranh chấp tại Mục B (Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư) hoặc Chương 28 (Giải quyết Tranh chấp).
4. Quyết định theo Luật Đầu tư nước ngoài năm 2005 của New Zealand chấp thuận hoặc từ chối giao dịch đầu tư nước ngoài có yêu cầu chấp thuận trước theo Luật này không thuộc đối tượng áp dụng của quy định về giải quyết tranh chấp tại Mục B (Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư) hoặc Chương 28 (Giải quyết Tranh chấp).

Phụ lục 9-I

Cơ chế điều chỉnh các biện pháp không tương thích (Cơ chế ratchet)

1. Không ảnh hưởng đến Điều 9.12.1(c) (Các biện pháp Không tương thích), đối với Việt Nam trong 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực với Việt Nam:

- (a) Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.10 (Yêu cầu Thực hiện) và Điều 9.11 (Quản lý Cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng đối với việc sửa đổi bất kỳ biện pháp không tương thích nào nêu tại Điều 9.12.1(a) (Các biện pháp Không tương thích) trong chừng mực việc sửa đổi này không giảm mức độ tương thích của biện pháp đó, như đã tồn tại vào ngày có hiệu lực của Hiệp định này với Việt Nam, đối với Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.10 (Yêu cầu Thực hiện) và Điều 9.11 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị);
- (b) Khi có cơ sở về việc nhà đầu tư hoặc đầu tư theo Hiệp định này đã tiến hành các hoạt động cần thiết,⁴⁴ Việt Nam sẽ không rút lại quyền hay lợi ích của nhà đầu tư hoặc đầu tư theo Hiệp định này của Bên khác thông qua việc sửa đổi các biện pháp không tương thích nêu tại Điều 9.12.1(a) (Các biện pháp Không tương thích) mà giảm mức độ tương thích của biện pháp đó như đã tồn tại ngay trước khi sửa đổi.
- (c) Việt Nam sẽ cung cấp cho các Bên thông tin chi tiết việc sửa đổi bất kỳ biện pháp không tương thích nào nêu tại Điều 9.12.1(a) mà việc sửa đổi này làm giảm mức độ tương thích của biện pháp đó so với thời điểm ngay trước khi sửa đổi ít nhất 90 ngày trước khi tiến hành sửa đổi.

⁴⁴ Hoạt động cần thiết bao gồm việc chuyển nguồn lực hoặc vốn đầu tư để thành lập hoặc mở rộng kinh doanh và đăng ký chấp thuận và cấp phép.

Phụ lục 9-J

Trình Khiếu kiện ra Trọng tài

1. Nhà đầu tư của một Bên không được trình ra trọng tài theo Mục B khiếu kiện Chi Lê, Peru, Mexico hay Việt Nam vi phạm nghĩa vụ tại Mục A trong trường hợp:

- (a) nhân danh chính mình theo Điều 9.19(a)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài); hoặc
- (b) nhân danh doanh nghiệp của Chi Lê, Peru, Mexico hay Việt Nam, là pháp nhân mà nhà đầu tư đó sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp theo Điều 9.19(b)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài),

nếu nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp liên quan đã cáo buộc vi phạm nghĩa vụ theo Mục A tại toà án hoặc trọng tài hành chính của Chi Lê, Peru, Mexico hay Việt Nam.

2. Để rõ nghĩa hơn, nếu nhà đầu tư của một Bên lựa chọn trình khiếu kiện theo cách thức quy định tại khoản 1 ra toà án hoặc trọng tài hành chính của Chi Lê, Peru, Mexico hay Việt Nam thì lựa chọn đó là cuối cùng và duy nhất, và nhà đầu tư không được trình khiếu kiện ra trọng tài theo Mục B.

Phụ lục 9-K

Trình Khiếu kiện cụ thể trong 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực

Malaysia

Không ảnh hưởng đến quyền của nguyên đơn về việc trình các khiếu kiện khác ra trọng tài theo Điều 9.19 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), Malaysia không chấp thuận việc trình các khiếu kiện mà Malaysia vi phạm hợp đồng mua sắm của chính phủ liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này, dưới giá trị hợp đồng cụ thể, trong thời gian 3 năm sau ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Malaysia. Các giá trị hợp đồng cụ thể là: (a) đối với hàng hóa, 1.500.000 SDR; (b) đối với dịch vụ, 2.000.000 SDR; và (c) đối với xây dựng, 63.000.000 SDR.

Phụ lục 9-L

Hợp đồng đầu tư

A. Hợp đồng với điều khoản trọng tài quốc tế lựa chọn

1. Nhà đầu tư của một Bên không được trình khiếu kiện ra trọng tài đối với vi phạm hợp đồng đầu tư theo Điều 9.19(1)(a)(i)(C)(Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(C) nếu hợp đồng đầu tư quy định thỏa thuận của bị đơn cho nhà đầu tư được giải quyết bằng trọng tài cáo buộc vi phạm hợp đồng đầu tư đó và quy định thêm:

- (a) khiếu kiện có thể được trình về vi phạm hợp đồng đầu tư theo ít nhất một trong các lựa chọn sau:
 - (i) Công ước ICSID và Quy tắc ICSID về thủ tục tố tụng trọng tài, với điều kiện cả bị đơn và Quốc gia của nhà đầu tư là thành viên của Công ước ICSID;
 - (ii) Cơ chế Phụ trợ ICSID, với điều kiện bị đơn hoặc Quốc gia của nhà đầu tư là thành viên của Công ước ICSID;
 - (iii) Quy tắc Trọng tài UNCITRAL;
 - (iv) Quy tắc Trọng tài ICC; hoặc
 - (v) Quy tắc Trọng tài LCIA; và
- (b) trong trường hợp trọng tài không thuộc Công ước ICSID, địa điểm xét xử của trọng tài sẽ tại:
 - (i) lãnh thổ của Quốc gia là thành viên của Công ước New York; và
 - (ii) ngoài lãnh thổ của bị đơn.

2. Mặc dù có Điều 9.21(2)(b)(Điều kiện và hạn chế về chấp thuận của mỗi Bên), nếu nguyên đơn trình ra trọng tài khiếu kiện về việc bị đơn vi phạm:

- (a) nghĩa vụ tại Mục A theo Điều 9.19(1)(a)(i)(A) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(A); hoặc

- (b) chấp thuận đầu tư theo Điều 9.19(1)(a)(i)(B) hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(B),

việc khước từ bằng văn bản của nguyên đơn không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện hoặc tiếp tục giải quyết tại trọng tài theo hợp đồng đầu tư, nếu hợp đồng đầu tư đó đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 1, đối với bất kỳ biện pháp nào bị cáo buộc tạo ra vi phạm quy định tại Điều 9.19.

3. Nếu nguyên đơn:

- (a) trình ra trọng tài khiếu kiện mà bị đơn vi phạm nghĩa vụ tại Mục A theo Điều 9.19(1)(a)(i)(A) (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài) hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(A) hoặc chấp thuận đầu tư theo Điều 9.19(1)(a)(i)(B) hoặc Điều 9.19(1)(b)(i)(B); và
- (b) trình khiếu kiện ra trọng tài theo hợp đồng đầu tư mà đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 1, và khiếu kiện có chung vấn đề về luật pháp hoặc thực tế và phát sinh từ cùng sự kiện hoặc tình huống,

bất kỳ bên tranh chấp nào có thể yêu cầu lệnh hợp nhất vụ kiện phù hợp với sự thỏa thuận của tất cả các bên tranh chấp mong muốn giải quyết bằng lệnh hợp nhất đó hoặc các quy định từ khoản 2 đến khoản 10 Điều 9.28 (Hợp nhất vụ kiện).

B. Hợp đồng cụ thể giữa Peru và đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư⁴⁵

1. Căn cứ Nghị định lập pháp 662 và 757, Peru có thể thỏa thuận các hợp đồng, được gọi là “thỏa thuận ổn định” với đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư của Bên khác.

2. Là một phần của thỏa thuận ổn định nêu tại đoạn 1, Peru dành lợi ích nhất định cho đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư là một bên của thỏa thuận. Những lợi ích này chủ yếu bao gồm cam kết duy trì cơ chế thuế thu nhập hiện hành áp dụng cho đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư trong một thời gian cụ thể.

3. Thỏa thuận ổn định nêu tại khoản 1 có thể tạo ra một trong những công cụ bằng văn bản hình thành “hợp đồng đầu tư”, như định nghĩa tại Điều 9.1(Các

⁴⁵ Thực tế mà Phụ lục này giải quyết chỉ những hợp đồng do Peru thỏa thuận sẽ không ảnh hưởng đến việc xác định của trọng tài thành lập theo Mục B liên quan đến hợp đồng do chính phủ của Bên khác thỏa thuận có đáp ứng định nghĩa “hợp đồng đầu tư” tại Điều II.1 (Các định nghĩa) hay không.

định nghĩa).⁴⁶Trong trường hợp này, việc vi phạm hợp đồng ổn định của Pêru có thể tạo ra vi phạm hợp đồng đầu tư mà thỏa thuận ổn định là một cấu phần.

4. Nếu thỏa thuận ổn định không tạo ra một trong những công cụ bằng văn bản hình thành “hợp đồng đầu tư” như định nghĩa tại Điều 9.1(Các định nghĩa), vi phạm hợp đồng ổn định của Pê ru sẽ không tạo ra vi phạm hợp đồng đầu tư.

C. Hạn chế về thỏa thuận trọng tài của Mexico

1. Không ảnh hưởng đến quyền của nguyên đơn về việc trình khiếu kiện khác theo Điều 9.19 (Trình Khiếu kiện ra Trọng tài), Mexico không chấp thuận việc trình bất kỳ khiếu kiện nào ra trọng tài theo Điều 9.19(1)(a)(i)(C) hoặc 9.19(1)(b)(i)(C) nếu việc trình khiếu kiện đó không phù hợp với các luật sau liên quan đến hành động của cơ quan quản lý⁴⁷:

- (a) Luật Hi-đrô các-bon, Điều 20 và 21;
- (b) Luật về Công trình công cộng và dịch vụ liên quan, Điều 98, khoản 2;
- (c) Luật Đối tác Công – Tư, Điều 139, khoản 3;
- (d) Luật Đường bộ, Cầu và phương tiện chuyên chở liên bang, Điều 80;
- (e) Luật Cảng, Điều 3, khoản 2;
- (f) Luật Hàng không, Điều 3, khoản 2;
- (g) Luật Điều chỉnh Dịch vụ Đường sắt, Điều 4, khoản 2;
- (h) Luật Thương mại và Vận chuyển Hàng hải, Điều 264, khoản 2;
- (i) Luật Hàng không Dân dụng, Điều 3, khoản 2; và
- (j) Hiến pháp Chính trị của Hợp chủng Quốc Mexico, Điều 28, khoản 20, Mục VII, và Luật Viễn thông và Phát thanh truyền hình, Điều 312.

tuy nhiên, với điều kiện việc áp dụng các quy định nêu tại các điểm từ (a) đến (i) sẽ không được sử dụng như phương tiện trá hình để từ chối hay vi phạm hợp đồng đầu tư.

⁴⁶ Để rõ nghĩa hơn, đối với các công cụ bằng văn bản hình thành “hợp đồng đầu tư” như định nghĩa tại Điều 9.1 (Các định nghĩa), một hoặc nhiều công cụ này phải trao quyền cho đầu tư theo Hiệp định này hoặc nhà đầu tư quy định tại điểm (a), (b) hoặc (c) của định nghĩa đó. Thỏa thuận ổn định có thể tạo ra một trong những công cụ bằng văn bản hình thành “hợp đồng đầu tư” ngay cả trong trường hợp bản thân thỏa thuận ổn định không phải là công cụ để trao các quyền đó.

⁴⁷ Để rõ nghĩa hơn, thuật ngữ “hành động của cơ quan quản lý” bao gồm thiếu sót.

2. Nếu bất kỳ luật nào nêu tại khoản 1 được sửa đổi cho phép trình ra trọng tài khiếu kiện đó sau khi Hiệp định này có hiệu lực với Mexico, hạn chế tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với luật đó.⁴⁸

D. Các tổ chức, cá nhân cụ thể của Canada theo điểm (c) của định nghĩa

Đối với Canada, chính quyền cấp trung ương bao gồm các tổ chức, cá nhân được liệt kê tại Phụ lục III Luật Quản lý tài chính (R.S.C. 1985, c. F-11), và cơ quan quản lý cầu hoặc cảng, ký kết hợp đồng đầu tư theo điểm (c) của định nghĩa về “hợp đồng đầu tư” chỉ trong trường hợp nếu chính phủ điều hành hoặc kiểm soát hoạt động hằng ngày của tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan trong việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đầu tư đó.

⁴⁸ Để rõ nghĩa hơn, khi có luật nào nêu tại khoản 1 được sửa đổi phù hợp với khoản 2, bất kỳ sửa đổi nào sau đó đối với luật này sẽ không được tái lập việc áp dụng khoản 1.